

SỐ 1733

# HOA NGHIÊM KINH THÁM HUYỀN KÝ

*Đời nhà Đường Sa môn Pháp Tạng thuật.*

## QUYỂN 1

*Quy y Đấng Đại Trí rộng sâu,  
Mười thân vi diệu Lô-xá-na,  
Đầy khắp tất cả các pháp giới,  
Đại Từ Bi Vô thượng Thế Tôn.  
Pháp Phương Quảng xa rời cấu nhiễm,  
Vàng giải thoát đầy đủ trọn vẹn,  
Các vị như Văn Thù-Phổ Hiền...,  
Hải hội thanh tịnh Đại Bồ-tát.  
Con còn nơi đây đủ phiền não,  
Tâm mong cầu pháp môn to lớn,  
Chỉ nguyện được xót thương gia hộ,  
Khiến tăng thêm sức mạnh Niệm-Trí.  
Mở tạng sâu xa bí mật này,  
Lợi ích nhiều cho mình và người,  
Nguyện làm cho pháp tồn tại mãi,  
Truyền rộng ánh đèn báo ân Phật.*

Bởi vì Pháp tánh như hư không rộng lớn, không bến bờ mà vượt quá nghe nhìn; Trí tuệ như biển rộng sâu xa, không cùng tận mà cự tuyệt nghĩ bàn. Mịt mù sâu thẳm, danh ngôn ít tìm được ranh giới ấy; mênh mông trong suốt, thấy nhau không đến cuối nguồn gốc ấy. Chỉ vì cơ cảm

vô cùng khác biệt, làm mất đi hình thể-ngôn từ mà chứa đầy pháp giới; tâm cảnh cùng một ý vị, phai mờ đi chủ động-thụ động mà trở về vắng lặng. Thể-Dụng không có nơi chốn, dung hòa trọn vẹn khó lường. Thế là không có hình tượng mà hiện rõ hình tượng, giống như Mặt trời lên cao nơi hang núi; không có lời nói mà bày tỏ lời nói, khác nào khe lớn dốc hết vào sóng xanh. Vì vậy bắt đầu từ Liên Hoa Tạng giới, phát triển giềng mối sâu xa vô tận, ràng buộc chủng loại thông hiểu trên cao, dẫn dắt khiến cho bước lên cảnh Phật. Sau đó mới cảm hóa thấm nhuần thế giới Ta-bà (Nhấn độ), dần dần trải rộng mây Từ, vẩy ướt sâu xa để thấm ba căn, nẩy mầm đạo mà quay về một mối, thì biết cơ duyên cảm được khác nhau, cho nên Thánh ứng phân ra khác biệt. Thánh ứng tuy khác biệt, mà không nghĩ bàn thì như nhau.

Kinh Hoa Nghiêm, đây chính là tập hợp bàn luận mở rộng về Hải hội, y theo giảng giải đến cùng về núi chúa. Lý trí xa rộng, tận cùng pháp giới mà kéo dài nguồn gốc chân thật; lời nhỏ mênh mông, khác nào hư không mà che phủ vô biên cõi nước. Thế là không thiếu lớn nhỏ, giấu cõi lớn để đưa vào mảy lông; chưa đổi lớn nhỏ, hòa cực vi để rộng khắp pháp giới. Vì thế dùng mạng lưới Nhân-đà-la đan xen hình ảnh lẫn nhau mà trùng trùng, thổi Pha-lê sáng rực soi chiếu vô lượng thế giới mà ẩn ẩn. Một ngay nơi nhiều mà vô ngại, nhiều tức là một mà viên dung. Thân nhiếp chín đời mà đưa vào sát-na, dẫn ra một niệm mà bao gồm nhiều kiếp. Ba đời đến cuối cùng, chủng tử kiên cố mà làm nhân; mười Tín đầy đủ đạo, hiển bày đức rộng mà thành quả. Quả không có quả của nhân khác, tách ra năm vị để phân đường; nhân không có nhân của quả khác, tổng hợp mười thân để như nhau. Vì vậy, Giác mẫu dựa vào cơ ở thành Đông, sáu ngàn số giải về mười Nhân ấy; Đồng tử hỏi tìm bạn ở nước Nam, đủ một trăm mười người thành tựu trong một đời. Toại nguyện khiến cho không vượt qua Thọ vương, sáu cõi trời đến nơi này. Nào chuyển đời Hoa Tạng, mười cõi rộng rang dung hợp. Chỉ ra kệ báu ở trong mảy trần, cùng nhau chiếu rọi tám Hội. Mở ngọc chúa ở tánh đức, bảy Xứ rõ ràng đầy đủ. Âm vang mênh mông, cách xa nghĩ bàn mà trở lại vượt ra; sừng sững rực rỡ, vượt quá nghe nhìn hưởng về đui điếc. Vì vậy, Xá-na bắt đầu luyện tập suy xét ở Hải ấn, sáng sớm ngày thứ mười bốn liền phát khởi; Long Thọ cuối cùng cúi xuống xem xét ở Cù cung, sáu trăm năm sau mới hiển bày.

Nhưng mà Đại thì lấy bao hàm làm Nghĩa, Phương thì lấy quý phạm làm Công, Quảng tức là Thể cao nhất-Dụng rộng khắp, Phật chính là Quả tròn vẹn-Giác đầy đủ, Hoa ví như vạn hạnh nở rộ, Nghiêm ví như

tô điểm cho Thể vốn có ấy, Kinh tức là xuyên suốt nối liền. Giáo chủ động giải thích (năng thuyết) đưa ra, thuận theo pháp-dựa vào người-nương nhờ dụ để làm đề mục, cho nên gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Thế Gian Tịnh Nhân Phẩm, ba loại như Khí thế gian... hiển bày chiếu sáng đối với thời gian, sáng rực sạch sẽ chiếu rọi rõ ràng ví như mặt sáng (tịnh nhãn), pháp-dụ-hợp đưa ra cho nên gọi là Thế gian Tịnh Nhân; ngôn ngữ cùng một lý, quy cách và chủng loại thuận theo nhau, cho nên gọi là Phẩm. Kinh này có ba mươi bốn phẩm, phẩm này kiến lập đầu tiên cho nên gọi là thứ nhất. Vì vậy nói là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh Thế Gian Tịnh Nhân Phẩm Đệ Nhất. Nghĩa còn lại như sau giải thích.

Muốn giải thích về kinh này sơ lược tách ra mười môn: Một-Trình bày về nguyên do khởi giáo; Hai- Dựa theo Tạng bộ trình bày về nơi thâm nhiếp; Ba- Hiển bày về sự thiết lập giáo sai biệt; Bốn- Lựa chọn giáo đã che phủ cơ; Năm- Phân rõ về Giáo Thể chủ động giải thích; Sáu- Trình bày về Tông chỉ thụ động giải thích; Bảy- Giải thích đầy đủ đề mục của kinh; Tám- Trình bày về Bộ loại truyền dịch; Chín- Phân rõ về phạm vi của văn nghĩa; Mười- Tùy văn giải thích.

Một- Trình bày về nguyên do khởi giáo: Trước là tổng quát phân rõ, sau là riêng biệt hiển bày.

Tổng quát là nói đến vô lượng nhân duyên phát khởi của Đại giáo. Vì vậy đầu tiên của Trí Luận, mở rộng phân rõ về nhân duyên phát khởi của giáo Bát-nhã: “Như núi Tu-di không bởi vì vô cơ và nhân duyên nhỏ bé mà có thể làm cho lay động; Phật cũng như vậy, bởi vì nhân duyên to lớn mà có sự thuyết giảng, đó gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, lưu hành ở thế gian làm nhiều lợi ích cho quần sinh.” Pháp Hoa cũng nói: “Như Lai vì một Đại sự nhân duyên cho nên xuất hiện ở thế gian, đó gọi là khai thị ngộ nhập Phật tri kiến...” Kinh này về sau nói: Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác tánh khởi Chánh pháp không thể nghĩ bàn. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là một ít nhân duyên thành Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian, mà mười loại Vô lượng vô số trăm ngàn A-tăng-kỳ nhân duyên, thành Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Những gì là mười? Một là phát tâm Bồ-đề vô lượng không rời bỏ tất cả chúng sinh, như vậy cho đến nói rộng ra nên biết.

Tiếp là riêng biệt hiển bày, sơ lược nêu ra mười nghĩa để trình bày về Vô tận. Những gì là mười? Đó là: 1) Bởi vì pháp vốn như vậy; 2) Bởi vì nguyện lực; 3) Bởi vì cơ cảm; 4) Bởi vì vốn có; 5) Bởi vì hiển bày về đức; 6) Bởi vì hiển bày về phần vị; 7) Bởi vì khai phát; 8) Bởi vì thấy

nghe; 9) Bởi vì thành tựu công hạnh; 10) Bởi vì đạt được quả.

1) Bởi vì pháp vốn như vậy: Pháp của tất cả chư Phật vốn như vậy đều hướng về thế giới vô tận, thường chuyển pháp luân vô tận như vậy; như con đường của bậc Đại Vương, pháp vốn như vậy theo lệ thường, không có dừng lại, không có ngưng nghỉ, tận cùng thời gian vị lai. Vì vậy, văn sau trong phẩm Bát Tư Nghị nói: Tất cả thế giới như pháp giới hư không..., đều dùng đầu mảy lông đo lường rộng khắp. Mỗi một đầu mảy lông ở trong niệm niệm, hóa ra thân như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, cho đến tận cùng đời kiếp trong thời gian vị lai. Mỗi một thân của Hóa Phật có đầu như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi một đầu có lưỡi như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi một lưỡi phát ra âm thanh như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi một âm thanh thuyết ra Tu-đa-la như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi một Tu-đa-la thuyết về pháp như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật. Trong mỗi một pháp nói về Cú thân-Vị thân như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật, lại trong đời kiếp như số vi trần trong Bát khả thuyết bất khả thuyết cõi Phật nói về Cú thân-Vị thân khác nhau, âm thanh tràn đầy pháp giới, tất cả chúng sinh không có ai không nghe, tận cùng tất cả đời kiếp trong thời gian vị lai thường chuyển Pháp luân, âm thanh của Như Lai không khác nhau, không đứt đoạn, không có thể cùng tận.

**Giải thích:** Theo văn kinh này, ở nơi một đầu mảy lông, ở trong một niệm phát ra nghiệp dụng như trên, trong niệm niệm khác cũng đều như vậy. Như ở một đầu mảy lông, nghiệp dụng trong niệm niệm vô tận như vậy, mỗi một đầu mảy lông khác theo thứ tự rộng khắp tất cả thế giới như pháp giới hư không, tất cả đều vô tận-vô tận như vậy. Đây tức là Xứ dùng đầu mảy lông để bao gồm pháp giới, Thời dùng sát-na để tận cùng đời kiếp, nghĩa là ở Xứ này trình bày về lập tức khởi lên nghiệp dụng, nghĩa là ở Thời này trình bày về luôn luôn khởi lên nghiệp dụng. Ở đây cũng không đợi nhân duyên, pháp của chư Phật vốn như vậy. Văn sau của kinh này đã nói đều như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao Xứ chỉ có tám Hội, Thời hạn chế ở mười bốn ngày?

Đáp: Phẩm Lô-xá-na nói: Trong mỗi một vi trần an trú nhiều cõi Phật, mây Phật hộ niệm đầy khắp che phủ tất cả. Lại nói: Vô lượng cõi Phật trong một lỗ chân lông, thanh tịnh trang nghiêm an trú không sánh được, Phật Lô-xá-na ở tất cả nơi ấy, ở giữa chúng hội diễn thuyết về

Chánh pháp. Giải thích: Ví như Xứ là tám Hội mà không thấu nhiếp đầy đủ pháp giới mười phương. Lại phẩm Phát Tâm nói: Biết vô lượng kiếp tức là một niệm, một niệm tức là vô lượng kiếp. Giải thích: Ví như Thời là mười bốn ngày mà không thấu nhiếp vô lượng đời kiếp. Phẩm Bát Tư Nghị nói: Tất cả chư Phật ở trong một vi trần đều hiện rõ tất cả cõi Phật trong ba đời, ở trong một vi trần đều hiện rõ thần lực tự tại của chư Phật trong ba đời, ở trong một vi trần đều hiện rõ tất cả chúng sinh trong ba đời, ở trong một vi trần đều hiện rõ Phật sự của tất cả chư Phật trong ba đời. Giải thích: Trong này, ba đời trong một vi trần bao quát chung tất cả đời kiếp của thời gian trước sau, đây gọi là pháp của chư Phật vốn như vậy cho nên luôn luôn thuyết ra.

2) Bởi vì nguyện lực: Đó là bởi vì nguyện lực vốn có của Như Lai, khiến cho giáo pháp này hợp với căn cơ mà biểu hiện rõ ràng. Vì vậy phẩm Lô-xá-na nói: Tất cả thế giới hải trong quốc độ mười phương, nguyện lực tự tại của Phật đều hiện rõ chuyển pháp luân. Lại nói: Bởi vì thần lực của Phật Lô-xá-na, mà chuyển pháp luân trong tất cả các cõi, Bồ-tát Phổ Hiền nguyện cầu cho âm thanh, tràn đầy khắp nơi tất cả các thế giới. Giải thích: Tức là kinh này bao gồm mười phương, tất cả thế giới như pháp giới hư không và trong các quốc độ bên trong các mảy trần, cùng lúc nói về kinh này, đều là do nguyện lực của Đức Bổn Sư mà dẫn đến. Vì vậy các Hội sau, bắt đầu đều nói do nguyện lực vốn có của Phật Lô-xá-na.

Lại tụng trong phẩm Vân Tập nói: Vô lượng vô số đời kiếp, pháp này rất khó gặp được, nếu có người được nghe đến, nên biết nguyện lực vốn có. Giải thích: Đây tức là do nguyện lực của Phật khiến cho chúng được nghe. Lại nói: Như Lai không xuất thế, cũng không có Niết-bàn, bởi vì Đại nguyện lực vốn có, pháp tự tại hiển bày rõ ràng.

3) Bởi vì cơ cảm: Như Lai bình đẳng không có đối khác, tùy thuận chúng sinh mà hiện thân thuyết pháp. Điều này có ba nghĩa: Một, dùng công đức thanh tịnh của sắc thanh trong quả Phật làm duyên tăng thượng, thuận theo cơ cảm của chúng sinh để thành tựu nhiếp hóa. Kệ trong phẩm Vân Tập nói: Có mắt có ánh sáng mặt trời, luôn luôn trông thấy sắc vi tế, bởi vì thần lực thù thắng nhất, tâm thanh tịnh thấy được chư Phật (đây là hiện thân). Lại trong phẩm Pháp Giới nói: Phật đối với công hạnh quá khứ, đạt được một âm thanh vi diệu, vô tâm với bên này bên kia, mà luôn luôn thích ứng tất cả (đây là thuyết pháp). Hai, quả Phật không có tướng thô của sắc thanh, nhưng vì nguyện lực tăng thượng và lý trí bình đẳng, cơ cảm tương ứng mà hiện rõ có hình tướng-ngôn ngữ. Kệ trong phẩm

Vân Tập nói: Hết thấy chư Phật trong ba đời, Pháp thân đều hoàn toàn thanh tịnh, tùy theo chúng sinh mà ứng hóa, hiện rõ thân diệu sắc khắp nơi. Lại nói: Hết thấy Như Lai trong ba đời, không có thuyết giảng về Phật pháp, tùy theo chúng sinh mà ứng hóa, rồi vì họ phát triển thuyết pháp. Ba, nổi thông hai nghĩa có-không vô ngại trên đây, bởi vì hợp với pháp giới không có chướng ngại. Trong phẩm Lô-xá-na nói: Thân Phật đầy khắp các pháp giới, hiện rõ trước tất cả chúng sinh khắp nơi, căn cơ tiếp nhận giáo hóa đều đầy đủ, mà Phật luôn ở tại cây Bồ-đề này. Phật nơi ấy như số vi trần trong tất cả cõi Phật, an tọa trong một lỗ chân lông đều có vô lượng chúng Bồ-tát, đều vì tất cả nói đầy đủ về hạnh Phổ Hiền. Giải thích: Chính là phạm vi đã nói của kinh này.

4) Bởi vì vốn có: Nghĩa là muốn thuận theo căn cơ cho nên dần dần thi thiết về giáo không quan trọng (mạt giáo), đương nhiên trước phải nêu rõ pháp căn bản (bổn giáo) lúc đầu, trình bày về sau dựa vào phương thức này để phát khởi Mạt giáo. Vì vậy lúc đầu nói về pháp của kinh này, sau đó mới hướng về các nơi như vườn Nai (lộc viên)... dần dần nói đến pháp chi tiết vụn vặt (chi mạt) như pháp Tiểu thừa... Lại về sau trong phẩm Tánh Khởi nói: Giống như mặt trời mọc trước tiên chiếu rọi núi cao... Như trong phần Lập giáo ở sau đưa ra giải thích.

5) Bởi vì hiển bày về đức: Nghĩa là hiển bày về đức thù thắng của quả Phật, khiến cho các Bồ-tát tin tưởng hướng về chứng đắc. Ở đây có hai loại: Một, Y quả đó là Liên Hoa Tạng trang nghiêm thế giới hải; hai, Chánh quả đó là mười thân của Như Lai nổi thông với ba thế gian... Điều nói như văn sau. Hai vô ngại này có bốn câu: Một là trong Y hiện rõ Y, như trong vi trần hiện rõ sát hải; hai là trong Chánh hiện rõ Chánh, như lỗ chân lông hiện rõ Phật...; ba là trong Chánh hiện rõ Y, như lỗ chân lông hiện rõ cõi nước...; bốn là trong Y hiện rõ Chánh, như trong vi trần hiện rõ Phật... Vì vậy tùy theo đưa ra một môn thì thâm nhiếp tất cả, không có gì không đều tận cùng, đều như sau giải thích, vì hiển bày về quả đức này cho nên nói kinh này.

6) Bởi vì hiển bày về phần vị: Bởi vì hiển bày Bồ-tát tu hành về nhân của Phật, vốn là một đường đến quả đầy đủ năm phần vị. Ở đây cũng có hai loại: Một, thứ đệ hành bố môn, nghĩa là sau khi đầy đủ Thập Tín-Thập Giải-Thập Hạnh-Thập Hồi Hương-Thập Địa, mới đến Phật địa, dần dần từ nhỏ bé đến được tầng bậc của phần vị. Hai, viên dung tương nhiếp môn, nghĩa là ngay trong một phần vị thâm nhiếp tất cả các phần vị trước sau, vì vậy mỗi một phần vị đầy đủ đều đến Phật địa. Hai vô ngại này rộng ra như văn các Hội sau đã nói.

7) Bởi vì khai phát: Bởi vì muốn khai phát công đức của tánh khởi Như Lai Tạng trong tâm chúng sinh, khiến cho các Bồ-tát dựa vào đây tu học để phá vỡ vỏ cứng của Vô minh mà hiển bày tánh đức. Ở đây cũng có hai loại: Một, dùng lời nói giảng giải để biểu hiện rõ ràng, khiến cho biết là vốn có. Hai, chỉ dạy tu hành pháp môn ấy cho nên được hiển bày rõ ràng. Như văn sau phá vỡ vi trần xuất hiện quyển kinh..., đây đủ như phần ấy nói.

8) Bởi vì thấy nghe: Nêu rõ pháp môn vô tận tự tại này, chỉ là cảnh giới của Đại Bồ-tát ở phần vị cao nhất, mà khiến cho các chúng sinh ở những phần vị dưới thấp đối với điều thấy nghe này, lại được thành tựu chủng tử Kim Cang ấy không phá hủy-không dùng hết, vì vậy cần phải làm cho họ đến được phần vị cuối cùng, cũng như phẩm Tánh Khởi nói.

9) Bởi vì thành tựu công hạnh: Nghĩa là nêu rõ về pháp môn cùng khắp này khiến cho các Bồ-tát thành tựu hạnh Phổ Hiền, một hạnh tức là tất cả các hạnh, lúc mới phát tâm đã thành Chánh giác, đầy đủ Tuệ thân không nhờ người khác mà ngộ. Lại nói: Bồ-tát thọ trì pháp này, ít dấy lên phương tiện, nhanh chóng đạt được A-nậu Đa-la Tam miệu Tam-bồ-đề... Ở đây cũng có hai loại: Một, nhanh chóng thành tựu nhiều hạnh; hai, khắp nơi thành tựu hạnh Phổ Hiền, đều nói như sau.

10) Bởi vì đạt được quả: Bởi vì khiến cho đạt được quả Trí-Đoạn của Phật địa, cũng có hai loại: Một, quả Đoạn nghĩa là bởi vì trừ chướng, tức là trong phẩm Phổ Hiền trình bày một chương là tất cả chương, phẩm Tiểu Tướng trình bày một đoạn thì tất cả đoạn, rộng ra như sau nói. Hai, quả Trí nghĩa là bởi vì thành tựu đức, đầy đủ mười thân tận cùng ba thế gian, nghịch-thuận tự tại, Y-Chánh vô ngại, nói như phẩm Bất Tư Nghị... Trên đây sơ lược dựa vào mười nghĩa hiển bày rõ ràng như vậy, mà khiến cho kinh giáo này phát khởi.

Hai- Dựa theo Tạng bộ trình bày về nơi thâm nhiếp. Sơ lược hiển bày mười nghĩa để trình bày về thâm nhiếp: 1) Trình bày về ba Tạng; 2) Hiển bày về nơi thâm nhiếp; 3) Phân rõ về hai Tạng; 4) Giải thích trái ngược nhau; 5) Tách ra chủng loại; 6) Xác định về nơi thâm nhiếp; 7) Một bộ thâm nhiếp; 8) Ba bộ thâm nhiếp; 9) Hoặc là chín bộ; 10) Đủ mười hai bộ.

### **1. Trình bày về ba Tạng:**

Một gọi là Tu-đa-la, hoặc nói là Tu-đổ-lộ, hoặc nói là Tố-đát-lãm, Trung Hoa nói là Khế kinh. Khế có hai nghĩa, đó là bởi vì khế lý, bởi vì hợp cơ. Kinh cũng có hai nghĩa, đó là bởi vì xuyên suốt pháp tướng,

bởi vì thâm nhiếp giữ gìn pháp đã giáo hóa. Xuyên suốt, Thế Thân giải thích rằng: “Gọi là chủ động xuyên suốt, bởi vì dựa vào, bởi vì tướng, bởi vì pháp, bởi vì nghĩa cho nên gọi là Tố-đát-lãm. Nghĩa là ở nơi này, từ chỗ này vì điều này mà có sự giảng giải, gọi đó là dựa vào; tướng của Chân đế-Tục đế, gọi đó là tướng; mười pháp thiện xảo..., gọi đó là pháp; tùy theo ý sâu kín... để nói về các pháp, gọi đó là nghĩa.” Lại trong luận Vô Tánh giải thích là xuyên suốt nối liền nhau. Giải thích: Xuyên suốt là nghĩa về khế nhập, nối liền nhau là nghĩa về khế hợp, nghĩa là dùng Thánh ngôn xuyên suốt nghĩa lý, khiến cho không thất lạc tản mác, khiến cho không che kín mịt mù, nối liền tất cả với nhau, khiến cho trở thành thứ tự rõ ràng, khiến cho được tồn tại lâu dài. Trong luận Phật Địa nói: “Luôn luôn nối liền, luôn luôn thâm nhiếp cho nên gọi là kinh, dùng Thánh giáo của Phật xuyên suốt thâm nhiếp giữ gìn nghĩa lý thích hợp đã nói và chúng sinh đã giáo hóa, gọi là Khế kinh. Kinh khế lý là Y chủ thích, Khế kinh tức là Tạng thuộc về Trì nghiệp thích.” Lại năm nghĩa trong luận Tạp Tâm: Một là Dũng tuyền, hai là Xuất chủ, ba là Hiển thị, bốn là Thăng mặc, năm là Kết tràng. Đích thực phiên dịch gọi là Tuyến (sợi chỉ), vì sao nói là Kinh? Nghĩa là sợi chỉ có thể luôn qua những đóa hoa, Kinh (sợi dọc) có thể giữ lấy Vĩ (sợi ngang), nghĩa dụng tương tự, nhưng bởi vì ở phương này tôn trọng danh từ Kinh mà không coi trọng danh từ Tuyến, vì vậy người phiên dịch thuận theo sự tôn trọng ấy mà bỏ chữ Tuyến giữ lại chữ Kinh, từ ví dụ mà lập thành tên gọi.

Hai gọi là Tỳ-nại-da, Trung Hoa nói là điều phục, điều là điều khiển hài hòa, phục là làm cho mất đi, điều hòa chế ngự nghiệp của thân-ngữ..., chế phục trừ diệt các hành xấu ác. Đây là giải thích về hành, gọi là Tạng điều phục. Hoặc phiên dịch gọi là Diệt, Diệt có ba nghĩa: Một là diệt nghiệp sai trái, hai là diệt phiền não, ba là đạt được quả về diệt. Hoặc gọi là Thi-la, Trung Hoa gọi là Thanh lương, ba nghiệp lầm lỗi sai trái giống như ngọn lửa đốt cháy, Giới có năng lực diệt trừ cho nên nói là Thanh lương (mát lành). Trong luật Thập Tụng gọi là tánh thiện, hoặc nói là giữ gìn niềm tin, bởi vì như trước đây đã tiếp nhận thật sự luôn luôn giữ gìn. Hoặc nói là Ba-la-đề Mộc-xoa, Trung Hoa gọi là Tùy thuận giải thoát, bởi vì giữ giới cho nên thuận theo đến giải thoát, cũng gọi là Biệt giải thoát.

Ba gọi là A-tỳ-đạt-ma tạng. Đạt-ma gọi là pháp, A-tỳ có bảy nghĩa: Một gọi là Đối pháp, ở đây có hai nghĩa, một là Đối hưởng, nghĩa là nhân của Trí hướng đến quả Niết-bàn; hai là Đối quán, nghĩa là quả của Trí quán cho nên chứng Diệt của Niết-bàn, tuy nhân của Trí



mà cũng có Đối quán, nhưng bởi vì ngưỡng mộ tiến tu cho nên chỉ gọi là Đối hưởng. Nhiếp Luận của Thế Thân nói: “Pháp này Đối hưởng không trú vào Niết-bàn, cho nên có thể nói đến các Diệu môn như các Đế và Bồ-đề phần...” Đây là dựa theo nhân của Trí mà nói, đây chỉ là thụ động giải thích. Hai gọi là Số pháp, Lương Nhiếp Luận giải thích rằng: “Trong các pháp tùy theo một pháp, hoặc dùng danh tướng, hoặc dùng tướng riêng, hoặc dùng tướng chung..., bởi vì thường xuyên hiển bày về một pháp này, cho nên gọi là Số pháp”. Ba gọi là Phục pháp, Luận ấy nói: «Pháp này có thể điều phục các thuyết, lập phá hai năng, chủ động thiết lập, chủ động phá bỏ, bởi vì đích thực nói về các phương tiện như y chỉ..., cho nên gọi là Phục.» Bốn gọi là Thông pháp, bởi vì pháp này có thể giải thích tất cả nghĩa trong Khế kinh. Khế kinh gọi là pháp, pháp này có thể nối thông với pháp kia, tức là sự nối thông của pháp. Lương Nhiếp Luận gọi là Giải pháp, bởi vì nghĩa về A-tỳ-đạt-ma và Tu-đa-la dễ hiểu. Năm gọi là Vô tử pháp, sáu gọi là Đại pháp, bảy gọi là Trạch pháp, ba loại này chỉ dựa theo thụ động giải thích. Lại trong luận Thuận Chánh Lý nói: «Hoặc Khế kinh gọi là Đạt-ma, Luận có thể quyết định rõ ràng gọi là Đối pháp.» Đây tức là dùng giáo đối với giáo, giống như Thông pháp ở trên. Hoặc nói là Ma-đắc-lặc-già, Trung Hoa gọi là Bốn Mẫu, dùng giáo cùng với nghĩa, làm gốc-làm mẹ, cũng gọi là Phân biệt giải thoát. Hoặc nói là Ưu-ba-đề-xá, Trung Hoa gọi là Luận Nghĩa, trong Tập Tập gọi là giải thích. Ba loại như Khế kinh... trên đây, đều hàm chứa thâm nhiếp thụ động giải thích đưa ra nghĩa lý, đều gọi là Tạng. Luận Trang Nghiêm thứ tư nói: «Ba loại kia và hai loại này vì sao gọi là Tạng? Đáp: Bởi vì thâm nhiếp, nghĩa là thâm nhiếp tất cả nghĩa thích ứng đã biết.» Tạng đều gồm chung Trì nghiệp và Y chủ, hai Tạng sau chỉ có Y chủ, bởi vì từ thụ động giải thích làm tên gọi, còn lại đưa ra Thể tánh và các môn phân biệt, rộng ra như giải thích riêng biệt.

## **2. Hiển bày về nơi thâm nhiếp:**

Kinh này Tạng nào thâm nhiếp? Hoặc là chỉ riêng Khế kinh thâm nhiếp, bởi vì không phải là hai Tạng khác. Hoặc là hai Tạng thâm nhiếp, bởi vì có quyết trạch nghĩa lý cho nên Đối pháp thâm nhiếp. Hoặc là ba Tạng thâm nhiếp, bởi vì văn sau cũng hiển bày về các giới hạnh. Đây là phân rõ dựa theo giáo giống nhau. Hoặc là văn sau do mười Tạng thâm nhiếp, bởi vì chủ-bạn đầy đủ hiển bày về vô tận. Đây là dựa theo Biệt giáo.

Hỏi: Ba Tạng dựa vào giáo, mười Tạng dựa theo nghĩa, làm sao

dùng nghĩa mà nói là thâm nhiếp giáo? Đáp: Nếu Tiểu Thừa thì giáo và nghĩa đều không dung hợp, Tam thừa thì nghĩa dung hợp mà giáo không dung hợp, Nhất thừa thì giáo và nghĩa đều dung hợp, vì vậy nhất định thâm nhiếp. Như ý nói quán vô phân biệt tiến vào giáo thâm nhiếp..., trong Tam thừa đã có hướng gì Nhất thừa ư? Nhưng nêu gọi biểu thị tức là thuộc về giáo thâm nhiếp, suy nghĩ có thể thấy.

### **3. Dựa theo phân rõ về hai Tạng:**

Đó là Thanh văn tạng và Bồ-tát tạng. Một là dựa theo Tiểu căn Thanh văn, thiết lập ba Tạng giáo giải thích nêu rõ về Lý-Hạnh-Quả... của Thanh văn làm Thanh văn tạng. Hai là dựa theo Đại căn Bồ-tát, thiết lập ba Tạng giáo giải thích nêu rõ về những pháp như công hạnh... của Bồ-tát làm Bồ-tát tạng. Luận Trang Nghiêm thứ tư nói: “Ba Tạng này bởi vì sai biệt về Thượng thừa và Hạ thừa, cho nên lại nói là Thanh văn tạng và Bồ-tát tạng”.

### **4. Giải thích trái ngược nhau.**

Hỏi: Trong kinh cũng nói: Vì người cầu Duyên giác nói về mười hai nhân duyên, vì sao không gọi là Duyên giác tạng?

Đáp: Bởi vì các Duyên giác cũng chỉ đoạn Ngã chấp, chỉ chứng Sinh Không, thành tựu quả La-hán, nhập diệt không khác, so với Bồ-tát đều là Hạ thừa cho nên không nói riêng biệt.

Hỏi: Như nhau đều là Hạ thừa, vì sao chỉ gọi là Thanh văn tạng?

Đáp: Bởi vì Duyên giác cũng có vị xuất hiện ở đời không có Phật, không có giáo pháp; Thanh văn thì không như vậy cho nên một mình được tên gọi.

Hỏi: Trong giáo Tiểu thừa cũng có giải thích nêu rõ về pháp của Bồ-tát thừa, sao cũng không gọi là Bồ-tát tạng?

Đáp: Bởi vì Tông chỉ của Bồ-tát kia đã đoạn, đã chứng, đã nhập Niết-bàn cũng không có gì sai biệt với Nhị thừa, lại bởi vì Bồ-tát chỉ một chữ không nhiều cho nên cũng không nói.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao phẩm Tam Tạng trong kinh Phổ Siêu Tam Muội và luận Nhập Đại Thừa, nói Tam thừa kia tức là ba Tạng, một là Thanh văn tạng, hai là Duyên giác tạng, ba là Bồ-tát tạng?

Đáp: Bởi vì trong kinh và luận ấy, đều nói trong Đại thừa có ba Tạng này, không phải là nói đến Tiểu.

Hỏi: Chỉ dựa vào văn này thì Duyên giác có ba Tạng, cùng với luận Trang Nghiêm làm sao có thể giải thích?

Đáp: Trước dựa vào Lý-Quả không khác cho nên phù hợp, ở đây dựa theo Giáo-Hạnh nhỏ bé riêng biệt cho nên phân ra. Vì vậy hai

thuyết không trái ngược nhau.

### **5. Tách ra chủng loại:**

Ngay trong Thanh văn tạng, dựa theo các kinh luận tách ra ba loại: Một là Tranh luận Thanh văn tạng, nghĩa là Khế kinh Tứ A-hàm, năm Bộ điều phục, mười hai Đối pháp, tranh cãi làm trái lẫn nhau, điều đã nói không giống nhau, không trở ngại Thánh quả, vì thế cho nên gọi chung là Tranh Luận tạng. Hai là Xứng thật Thanh văn tạng, nghĩa là như Du-già Thanh văn địa và Thanh Văn quyết trạch, giải thích nêu rõ về Hạnh-Vị-Quả... của Thanh văn, thấy đều xứng thật tương ứng cùng với lý, không giống như Bà-sa và các luận khác, bởi vì đã nói đến Bồ xứ cho nên không phải là các luận khác mà có thể tranh luận, vì thế cho nên gọi chung là Xứng Thật Thanh văn tạng.

Hỏi: Trong này vốn nói đã cùng với các bộ Tiểu thừa không giống nhau, lẽ nào người hàng Thanh văn có hai loại hay sao?

Đáp: Đây là dựa theo trong giáo nói pháp Thanh văn tận cùng mà lý không tận cùng, cho nên tách ra làm hai, chứ không phải là nói Thanh văn cũng có sai biệt.

Ba là Giả lập Thanh văn tạng, như trong kinh Đại thừa, bởi vì dẫn dắt Thanh văn khiến cho hồi tâm, cho nên pháp môn đã thiết lập cũng giống như danh số Thanh văn mà nói, như Vô tác Tứ Đế và Đạo phẩm... Như trong các kinh Đại thừa nói, không có thể dẫn ra nhiều. Đã không phải là pháp học của Bồ-tát, cho nên gọi là Giả lập Thanh văn tạng.

Hỏi: Trong này tên gọi tuy giống với Tiểu thừa mà nghĩa thật sự là Đại, sao có thể nói chung là Thanh văn tạng?

Đáp: Chỉ vì nghĩa này mà gọi là Giả lập.

Hỏi: Những người thuộc hàng Thanh văn căn thuần thực-hồi tâm, pháp đã học tức là Bồ-tát tạng thâm nhiếp, Tạng giả lập này đối với họ đâu cần đến?

Đáp: Nhưng Thanh văn hồi tâm có hai loại: Một là mạnh mẽ, hai là kém cõi. Mạnh mẽ thì hăng hái tiến vào Đại không nhờ đến Tạng này. Kém cõi hãy còn sợ Đại, vì vậy phương tiện giống với danh số kia, khiến cho dễ tin nhận, cho nên thiết lập môn này.

Thứ hai trong Bồ-tát tạng, dựa theo các Thánh giáo cũng có ba loại: Một là Bồ-tát tạng trong Tiểu thừa, nghĩa là giải thích nêu ra Bồ-tát dựa vào ba mươi bốn tâm... theo thứ tự thành Phật, cũng không bàn đến hành vị của Thập Địa, nhưng lại không giống với các Thanh văn..., như luận Bà-sa Câu-xá nói. Hai là Bồ-tát tạng trong Đại thừa Cọng giáo, nghĩa là giải thích nêu ra hành vị theo thứ tự của Bồ-tát, tuy nói

có hồi tâm-thăng tiến không giống nhau, mà cùng dựa vào hành của Thập Địa trải rộng dần dần tu đến quả Phật, như Du-già Bồ-tát Địa và trong các kinh luận Đại thừa đã nói. Ba là Bồ-tát tạng trong Bát cộng giáo, giải thích nêu ra Bồ-tát dựa vào hành vị Phổ Hiền, năm phần vị viên dung, nghĩa là một phần vị tức là tất cả phần vị, một hạnh tức là tất cả hạnh, trọn vẹn cùng tận pháp giới, tự tại vô ngại, trước sau đều như nhau. Mỗi một phần vị đầy đủ tức là thành tựu mười Phật, chủ-bạn đầy đủ. Vì vậy Trí Luận nói: «Bát-nhã Ba-la-mật có hai: Một là Cọng, nghĩa là bởi vì kinh Đại Phẩm này và kinh Phương Đẳng khác cùng nói cho các Thanh văn. Hai là Bất cọng, nghĩa là bởi vì kinh Bát Tư Nghị không cùng nói cho Thanh văn. Giải thích: Trong này Tiểu của cọng Đại không phải là Ngũ pháp, Đại của cọng Tiểu không phải là Biệt giáo, vì thế cho nên có ba Bồ-tát tạng.

Hỏi: Bồ-tát và Thanh văn vốn có hai Tạng riêng biệt, tức là hai người ấy đều đạt được quả riêng biệt, trong Bồ-tát tạng đã phân ra ba phần vị, thuận theo ba bậc Bồ-tát thành Phật khác nhau chăng?

Đáp: Thành Phật chỉ là một, nhưng cơ có cạn sâu, giáo nói ba loại, không phải là nói Thể thành Phật thật sự có ba, nay dựa vào giáo tách ra chứ không dựa theo Thể của Phật.

Hỏi: Nếu ba thuyết đều hợp lý, thì Thể của Phật cũng thành ba. Nếu lý thành Phật là một, thì hai thuyết tức là hư dối?

Đáp: Đối với một lý thành Phật, tất cả có ba nghĩa: Một là môn lấy gốc theo ngọn, như thuyết về Tiểu thừa, bởi vì giống với Thanh văn; hai là môn tách gốc khác ngọn, như thuyết về Cọng giáo, bởi vì cùng với Thanh văn đối lập với nhau phân rõ về khác biệt; ba là môn ngọn hết chỉ có gốc, như thuyết về Bất cọng giáo, bởi vì Nhị Thừa đui điếc không có so sánh khác nhau. Thể của Phật viên dung có đủ ba nghĩa này, vì vậy ba thuyết đều khác nhau; Phật không có bao nhiêu, vì vậy nay trong Bồ-tát tạng có ba loại này.

#### **6. Xác định về nơi thâm nhiếp:**

Kinh này Tạng nào thâm nhiếp? Đều không phải là ba tạng Thanh văn trước đây thâm nhiếp, ở trong ba loại sau thuộc Bồ-tát tạng đích thực chỉ thuộc về loại sau, bởi vì trong Trí Luận riêng biệt chỉ ra kinh này là Bất cọng. Hoặc trong ba loại chỉ trừ một loại đầu, hai loại sau đều thâm nhiếp, bởi vì trong kinh này có đủ chung và riêng. Hoặc cũng nối thông với Giả lập Thanh văn tạng kia thâm nhiếp, bởi vì trong kinh cũng phân rõ về Tứ Đế... Hoặc cũng tổng quát nối thông với hai Tạng đã thâm nhiếp, bởi vì pháp trong Thanh văn tạng đều dựa vào Nhất thừa

pháp giới mà lưu thông, cho nên ý vị không khác biệt.

**7. Một bộ thâm nhiếp:**

Ở trong mười hai Bộ, hoặc chỉ dựa theo một bộ Phương Quảng mà thâm nhiếp. Luận Đối Pháp nói: Vốn là nơi nương tựa làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sinh, tuyên thuyết về pháp rộng lớn rất sâu, cho nên gọi là Phương Quảng. Lại trong Du-già nói: Trong Thanh văn tạng không có Phương Quảng, hoặc là đề mục kinh này đã biểu hiện rõ ràng.

**8. Ba bộ thâm nhiếp:**

Đó là Ký biệt, Tự thuyết, Phương Quảng. Bởi vì trong Pháp Hoa nói chín Bộ còn lại là Tiểu thừa, kinh này không phải là Tiểu thừa cho nên chỉ có ba Bộ thâm nhiếp.

**9. Hoặc là chín bộ thâm nhiếp:**

Đó là trừ ra Nhân duyên, Thí dụ và Luận nghị. Bởi vì kinh Niết-bàn thứ ba nói người bảo vệ Đại thừa thọ trì chín Bộ, trừ ra ba Bộ trước.

**10. Đủ mười hai bộ:**

Một là Khế kinh thâm nhiếp, bởi vì kinh Niết-bàn nói bắt đầu từ “Như thị” cuối cùng đến “Phụng hành” là Khế kinh. Hai là Ứng tụng, bởi vì như văn sau có đủ trùng tụng. Ba là Ký biệt, bởi vì như văn sau có đủ thọ ký thành Phật... Bốn là Phúng tụng, bởi vì như văn sau có nói thẳng về tụng... Năm là Tự thuyết, như văn sau từ Định đứng lên liền nói đến phần căn bản... Sáu là Duyên khởi, bởi vì như văn sau nhờ vào thừa thỉnh tuyên thuyết. Bảy là Thí dụ, bởi vì như văn sau mở rộng nói về dụ. Tám là Bổn sự, bởi vì như sau nói về những sự việc vốn có của Lô-xá-na và những sự việc đã trải qua lúc đầu của Phổ Hiền. Chín là Bổn sinh, bởi vì như sau nói về tướng sinh vốn có của Lô-xá-na... Mười là một môn Phương Quảng có thể biết. Mười một là Hy pháp, như văn sau nói lỗ chân lông thuyết pháp và tòa ngồi có các chúng vây quanh, cột trụ bằng vật báu hiện rõ Phật... Mười hai là Luận nghị, như Du-già quyển tám mươi mốt nói: Đó là các kinh điển tuần hoàn nghiên cứu đối chiếu tương tận. Ma-đát-lý-ca (Luận tạng), tất cả kinh liễu nghĩa đều gọi là Ma-đát-lý-ca, nghĩa là ở nơi này Đức Thế Tôn tự mở rộng phân biệt về pháp tướng..., như văn sau nói ở phẩm Minh Nạn... Vì thế cho nên kinh này có đủ mười hai Bộ thâm nhiếp. Nghĩa còn lại nói như ở

Ba-Trình bày về sự thiết lập giáo sai biệt. Sơ lược đưa ra mười loại: 1) Nói về Cổ thuyết; 2) Biện giải về đúng sai; 3) Thuật về Tây Vực; 4) Hội trái ngược nhau; 5) Trình bày về hiện truyền; 6) Xác định

quyền-thật; 7) Hiển bày khai-hợp; 8) Giáo trước sau; 9) Dựa vào nghĩa phân giáo; 10) Dùng lý khai mở Tông chỉ.

**1. Nói về Cổ thuyết:** Xưa nay các vị lập giáo có rất nhiều cách, khó mà hiển bày đầy đủ, sơ lược nói về mười vị, để làm thành gương soi.

Một, đời Hậu Ngụy, Bồ-đề Lưu Chi lập ra Nhất âm giáo, nghĩa là tất cả Thánh giáo chỉ là một viên âm giáo của Như Lai, nhưng tùy căn khác nhau cho nên phân ra các loại, như qua một cơn mưa tưới thấm như nhau. Lại trong kinh nói: “Phật dùng một âm diễn nói pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu được...”

Hai, thời nhà Trần, Tam tạng Chân Đế... lập ra hai giáo Tiệm-Đốn, nghĩa là dựa theo cơ từ từ tỏ ngộ, Đại dựa vào Tiểu mà phát khởi, giáo đã thi thiết đầy đủ Tam thừa, cho nên gọi là Tiệm, tức là kinh Niết-bàn... Nếu dựa theo cơ lập tức thẳng tiến, Đại không nhờ vào Tiểu, giáo đã thi thiết chỉ là Bồ-tát thừa, cho nên gọi là Đốn, tức là kinh Hoa Nghiêm... Về sau Pháp sư Đại Viễn... cũng nói giống như vậy.

Ba, đời Hậu Ngụy, Luật sư Quang Thống nương theo Tam tạng Phật-đà tu tập lập ra ba loại giáo, đó là Tiệm-Đốn-Viên. Ý giải thích của Luật sư Quang Thống: Một là căn chưa thuần thực, trước nói đến Vô thường-sau mới nói về Thường, trước là Không-sau là không Không, như vậy theo thứ tự gọi là Tiệm giáo. Hai là căn đã thuần thực, đối với một pháp môn diễn nói đầy đủ tất cả Phật pháp, đó là Thường và Vô thường, Không và không Không..., tất cả nói đầy đủ, lại không nhờ vào Tiệm cho nên gọi là Đốn. Ba là đối với căn bậc Thượng thông hiểu phạm vi tầng bậc của cảnh Phật, nói về pháp môn tự tại bí mật viên mãn, quả đức cứu cánh giải thoát vô ngại của Như Lai, cho nên gọi là Viên, tức là kinh này do Viên đốn thâm nhiếp. Về sau những môn hạ của Quang Thống tuân theo Luật sư Quang Thống cũng đều kế thừa tông chỉ giống như nói ở đây.

Bốn, thời nhà Tề, Pháp sư Đại Diễn... lập ra bốn tông giáo: Một là Nhân duyên tông, đó tức là các Bộ như Tát-bà-đa... của Tiểu thừa; hai là Giả danh tông, đó là luận Thành Thật và các thuyết như kinh bộ...; ba là Bất chân tông, đó là các bộ Bát-nhã, nói về lý tức Không trình bày về tất cả các pháp không chân thật...; bốn là Chân tông, đó là Hoa Nghiêm và Niết-bàn, trình bày về Phật tánh-chân lý-pháp giới...

Năm, Pháp sư Hộ Thân... lập ra năm tông giáo, nghĩa là vị này từ trong tông thứ tư trước đây, tách chân lý-Phật tánh để làm Chân tông, tức là kinh Niết-bàn; thứ năm gọi là Pháp giới tông, tức là Hoa Nghiêm trình bày về pháp môn Pháp giới tự tại vô ngại.

Sáu, thời nhà Trần, Thiền sư Tư Nam Nhạc, Thiền sư Trí Giả... lập ra bốn giáo: Một là Tam tạng giáo, cũng gọi là Tiểu thừa giáo, như Pháp Hoa nói: “Không được gần gũi người học Tam tạng Tiểu thừa”. Trong Trí Luận nói Tiểu thừa là Tam tạng, Đại thừa gọi là Ma-ha-diễn tạng. Hai gọi là Thông giáo, cũng gọi là Tiệm giáo, nghĩa là trong kinh Đại thừa nói gồm chung Tam thừa, che phủ tất cả ba căn... Lại như trong Đại Phẩm, chính là mười Địa như Càn Huệ địa... gồm chung Tam thừa. Ba gọi là Biệt giáo, cũng gọi là Đốn giáo, nghĩa là trong các kinh Đại thừa đã nói về pháp môn đạo lý không gồm chung Tiểu thừa... Bốn gọi là Viên giáo, cũng gọi là Bí mật giáo, nghĩa là pháp giới tự tại đầy đủ viên mãn, một tức là tất cả, tất cả tức là một, vô ngại pháp môn cũng chính là Hoa Nghiêm...

Bảy, thời nhà Đường, có Hải Đông là Pháp sư Nguyên Hiểu ở nước Tân La soạn thuật sở giải về kinh này, cũng lập ra bốn giáo: Một là Tam thừa Biệt giáo, nghĩa là như giáo Tứ Đế, kinh Duyên Khởi... Hai là Tam thừa Thông giáo, nghĩa là như kinh Bát-nhã, kinh Thâm Mật... Ba là Nhất thừa Phần giáo, như kinh Anh Lạc và kinh Phạm Võng... Bốn là Nhất thừa Mãn giáo, nghĩa là như kinh Hoa Nghiêm, giáo Phổ Hiền. Giải thích riêng biệt về bốn giáo này như trong Sở kia.

Tám, thời nhà Đường, Pháp sư Cát Tạng lập ra ba loại giáo, làm ba pháp luân: Một là Căn bản Pháp luân, tức là kinh Hoa Nghiêm đã nói lúc đầu; hai là Chi mật Pháp luân, tức là Tiểu thừa... đã nói ở sau; ba là Nhiếp mật quy bốn Pháp luân, tức là kinh Pháp Hoa, sau bốn mươi năm nói về giáo rời bỏ ba tiến vào một, giải thích đầy đủ như luận ấy.

Chín, thời nhà Lương, Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch lập ra bốn Thừa giáo, nghĩa là như trong kinh Pháp Hoa, ba xe trước cửa tức là ba Thừa, giữa ngã tư đường đã trao cho xe trâu trắng lớn tức là Thừa thứ tư, bởi vì xe trâu trước cửa cũng giống như xe dê-xe nai, đều không đạt được. Nếu không như vậy thì lúc Trưởng giả ở trong nhà dẫn dắt các con, nói là ba xe này chỉ ở ngoài cửa, các con ra khỏi nhà thì sẽ có được xe. Tại sao ra rồi đến nơi ban đầu chỉ nơi đã dừng xe, mà không có được cho nên sau lại đòi lấy? Vì vậy biết là Quyền giáo giống như xe dê-xe nai. Do đó trong Đại thừa Quyền giáo phương tiện mà nói, giải thích đầy đủ như trong sở giải về Pháp Hoa.

Mười, thời nhà Đường, Pháp sư Ấn và Pháp sư Mãn... ở Giang Nam lập ra hai giáo: Một là kinh Thích-ca, gọi là Khuất Khúc giáo, bởi vì thuận theo cơ tánh để tùy cách phá chấp, như Niết-bàn...; hai là kinh Lô-xá-na, gọi là Bình Đạo giáo, bởi vì thuận theo pháp tánh tự tại mà

nói, như Hoa Nghiêm... Sư ấy giải thích về hai giáo này sơ lược có bốn riêng biệt: Một là Chủ khác, nghĩa là nơi ấy Hóa thân Thích-ca đã nói, nơi này là mười thân Xá-na đã nói; hai là Xứ khác, nghĩa là nơi ấy nói ở tòa cỏ dưới tán cây thuộc thế giới Ta-bà, nơi này nói ở tòa Kim cang dưới cây báu thuộc thế giới Liên Hoa Tạng; ba là Chúng khác, nghĩa là nơi ấy nói cho Thanh văn và Bồ-tát, nơi này chỉ nói cho Bồ-tát cùng chung phần vị cao nhất; bốn là Thuyết khác, nghĩa là nơi ấy chỉ là một phương đã nói, nơi này bao gồm mười phương cùng nói. Giải thích rộng ra như trong sở giải về Hoa Nghiêm.

**2. Biện giải về đúng sai:** Mười vị lập giáo trên đây, đều là những bậc tài năng trí tuệ tuyệt luân ở đương thời. Như Thiền sư Tư, Thiền sư Trí Giả..., thần kỳ cảm thông tìm hiểu dấu tích bước lên phần vị, Linh Sơn nghe pháp nhớ đến ngày nay; Pháp sư Vân dựa vào đây khai mở tông chỉ, giảng về Pháp Hoa cảm trời mưa hoa..., đều như Tăng Truyền... đã hiển bày. Vả lại, các vị tiên đức này lẽ nào là người ưa thích khác lạ, cho nên phân chia Thánh giáo, chỉ bởi vì hiểu biết đầy đủ các kinh điển, khác dấu vết mà cùng căn cơ, nói không thể khác được, mở mang tông chỉ riêng biệt giải thích, cốt phải khiến cho Thánh thuyết đều hợp với căn cơ.

Hỏi: Mười thuyết trên đây ai đúng ai sai?

Đáp: Theo luận Thành Thật: “Lúc Đức Phật nói lời về trong-ngoài-ở giữa xong thì liền nhập định, lúc ấy có năm trăm La-hán đều giải thích lời này. Sau khi Đức Phật xuất định cùng nhau thưa hỏi Đức Thế Tôn, ai đúng ý Phật. Đức Phật nói đều sai ý Ta. Những người thưa hỏi Đức Phật, đã không đúng ý Đức Phật thì lẽ nào không mắc tội? Đức Phật nói tuy sai ý Ta mà đều thuận với Chánh lý, có thể vì Thánh giáo, thì có phước chứ không có tội.” Huống gì các thuyết này đều có ít nhiều Thánh giáo làm chứng, vì thế cho nên không thể hoàn toàn là sai trái.

**3. Thuật về luận thuyết ở Tây Vực:** Chân Đế ba Luân, Kiếp-đa bốn Giáo, Ba Pha năm Thuyết, đều như biệt thuyết. Vả lại, Pháp Tạng ở trong niên hiệu Văn Minh nguyên niên nhà Đường (Duệ Tông 684), may mắn gặp Tam tạng Pháp sư Địa-bà-ha-la là người Trung Thiên Trúc, thời Đường nói là Nhật Chiếu, ở chùa Thái Nguyên-Tây Kinh phiên dịch kinh luận, đích thân tôi lúc ấy mới hỏi: Các vị ở Tây Vực đối với Thánh giáo một đời có thể có phân định Quyền-Thật hay không? Tam tạng nói rằng: Thời gian gần đây tại chùa Na-lan-đà ở Thiên Trúc, cùng lúc có hai Đại đức Luận sư, một vị tên là Giới Hiền, một vị tên là Trí Quang, đều là bậc thần giải siêu phàm, danh tiếng vượt cao ở Ngũ



Ấn, hạng tà đạo đều cúi rạp đầu, những Bộ khác đều chân thành quay về, người học Đại thừa ngưỡng mộ như mặt trời-mặt trăng. Bước một mình ở Thiên Trúc chỉ có một người mà thôi. Bởi vì đã kế thừa tông chỉ khác biệt, cho nên lập giáo không giống nhau.

Thứ nhất là Giới Hiền, thì xa được nhờ Di-lặc và Vô Trước, gần thì theo sau Hộ Pháp và Nan-đà, dựa vào các kinh như Thâm Mật..., các luận như Du-già..., lập ra ba loại giáo. Nghĩa là Đức Phật đầu tiên ở vườn Lộc Uyển nói pháp Tiểu thừa, tuy nói Sinh Không nhưng hãy còn chưa nói chân lý của Pháp Không, cho nên không phải là liễu nghĩa, tức là các kinh như Tứ A-hàm... Trong thời thứ hai, tuy dựa vào tự tánh của Biến kế sở chấp mà nói các Pháp Không, nhưng hãy còn chưa nói đến đạo lý Y tha-Viên thành chỉ do Thức, cho nên cũng không phải là liễu nghĩa, tức là các bộ giáo như Bát-nhã... Trong thời thứ ba mới dựa vào Chánh lý Đại thừa nói đầy đủ về Nhị đế Duy thức như ba tánh-ba vô tánh..., mới là liễu nghĩa, tức là các kinh như Giải Thâm Mật... Vả lại, ba phần vị này đều dùng ba nghĩa để giải thích: 1) Nhiếp cơ; 2) Thuyết giáo; 3) Hiển lý. Tạm thời thứ nhất chỉ thâm nhiếp Thanh văn, chỉ nói về Tiểu thừa, chỉ hiển bày về tánh Không; thứ hai chỉ thâm nhiếp Bồ-tát, chỉ nói về Đại thừa, chỉ hiển bày về hai Không; thứ ba thâm nhiếp tất cả các cơ, nói gồm chung các Thừa, hiển bày đầy đủ về Không-Hữu. Vì vậy hai phần vị trước thâm nhiếp cơ thuộc về Giáo-Lý đều có thiếu hụt lẫn nhau, cho nên không phải là liễu nghĩa; một phần vị sau, mọi cơ đều thâm nhiếp, mọi giáo đều có đủ, mọi lý đều trọn vẹn, cho nên chính là liễu nghĩa.

Thứ hai là Luận sư Trí Quang, xa được nhờ Văn Thù-Long Thọ, gần vâng theo Đề Bà-Thanh Biện, dựa vào các kinh như Bát-nhã..., các luận như Trung Quán..., cũng lập ra ba giáo. Nghĩa là Đức Phật đầu tiên ở vườn Lộc Uyển vì các Tiểu căn nói về pháp Tiểu thừa, trình bày tâm-cảnh cùng có. Trong thời thứ hai vì hàng Trung căn nói về pháp tướng Đại thừa, trình bày về đạo lý cảnh không-tâm có chỉ do Thức, bởi vì căn hãy còn kém cõi chưa có thể làm cho tiến vào Chân Không bình đẳng, cho nên đưa ra cách nói này. Thời thứ ba vì hàng Thượng căn nói về Vô tướng Đại thừa, biện giải về tâm-cảnh đều Không, cùng một vị bình đẳng, là chân thật liễu nghĩa. Lại ba phần vị này cũng giải thích theo ba nghĩa: Một là thâm nhiếp cơ, thứ nhất chỉ thâm nhiếp cơ thuộc hàng Nhị thừa; thứ hai thâm nhiếp chung hai cơ Đại-Tiểu, bởi vì tông này chấp vào một phần Nhị thừa không hướng đến quả Phật; thứ ba chỉ thâm nhiếp Bồ-tát, gồm chung cả Tiệm-Đốn, bởi vì các hàng Nhị thừa đều

hướng đến quả Phật chứ không có đường khác. Hai là dựa theo giáo, ban đầu chỉ nói về Tiểu thừa, tiếp theo gồm chung Tam thừa, về sau chỉ riêng Nhất thừa. Ba là dựa theo hiển bày về lý, ban đầu vì phá tự tánh ngoại đạo..., cho nên nói về pháp duyên sinh nhất định là thật có; tiếp theo tức là từ từ phá chấp về duyên sinh thật có của Nhị thừa, nói duyên sinh này cho là tựa như có, bởi vì Nhị thừa kia sợ hãi Chân Không này, cho nên hãy còn giữ lại Giả Hữu mà tiếp nhận dẫn dắt; về sau mới dựa vào Đại thừa cứu cánh nói đến duyên sinh này tức là tánh Không cùng một vị bình đẳng-hai đế không ngăn ngại. Vì thế cho nên pháp tướng Đại thừa có sở đắc... thuộc về giáo thứ hai, không phải là chân thật liễu nghĩa. Ba giáo này theo thứ tự như trong Bát Nhã Đăng Luận Thích của Luận sư Trí Quang, dẫn đầy đủ kinh Tô-nhã-na Ma-ha-diễn nói, Trung Hoa nói là kinh Đại Thừa Diệu Trí, kinh này xưa chưa được nghe.

**4. Hội trái ngược nhau:** Hỏi: Hai cách nói này đã đều là Thánh giáo làm mâu thuẫn lẫn nhau, chưa biết là có thể hòa hợp hay là không thể hòa hợp? Đáp: Không hòa hợp mà đều hòa hợp.

Thứ nhất là không hòa hợp, đã đều là Thánh giáo, tùy duyên lợi ích chúng sinh nào đợi đến hòa hợp? Tức là trong bốn loại Tất đàn của Trí Luận thì tất cả đều là Vị nhân tất đàn, cũng là Chúng sinh lạc dục ý thú trong bốn ý thú của Nhiếp Luận. Ở trong một pháp, hoặc là khen hoặc là chê, vì thế cho nên hai cách nói này không cần miễn cưỡng hòa hợp.

Thứ hai là đều hòa hợp, có hai môn: Một là dựa theo giáo thích ứng cơ, hai là dựa theo cơ tiếp nhận giáo.

Trong phần một chỉ là giáo môn liễu nghĩa và không liễu nghĩa của Phật, có bốn phần vị: Một là dựa theo thâm nhiếp cơ rộng hẹp, hai là dựa theo ngôn giáo đủ thiếu, ba là dựa theo lợi ích chúng sinh lớn nhỏ, bốn là dựa theo hiển bày lý cạn sâu. Một là nếu chỉ thâm nhiếp Nhị thừa mà không bao gồm Bồ-tát, hoặc chỉ riêng Bồ-tát chứ không bao gồm Nhị thừa, thì đều thâm nhiếp cơ hạn hẹp cho nên không phải là liễu nghĩa; nếu mở rộng thâm nhiếp ba cơ hoàn toàn đầy đủ thì mới là liễu nghĩa. Hai là nếu chỉ nói về Tiểu mà không gồm nói về Đại, hoặc chỉ nói về Đại thừa chứ không gồm đủ Tiểu thừa giáo, bởi vì nói đều có thiếu cho nên không phải là liễu nghĩa; nếu nói bao gồm Đại-Tiểu, đầy đủ Tam thừa thì mới là liễu nghĩa. Kinh Thâm Mật... dựa vào hai môn trên, Giới Hiền đã phân định cũng có đạo lý. Ba là dựa theo lợi ích chúng sinh lớn nhỏ, nếu khiến cho tất cả chúng sinh được lợi ích Tiểu thừa, hoặc là khiến cho tất cả hữu tình được lợi ích Đại thừa, thì

có người được lợi ích nhỏ, không có thể hoàn toàn khiến cho được lợi ích cao nhất, đều không phải là liễu nghĩa; nếu có thể khiến cho tất cả chúng sanh ấy đạt đến tịch diệt Nhị thừa, tất cả đều sẽ được lợi ích Đại Bồ-đề, thì mới là liễu nghĩa. Bốn là dựa theo hiển bày lý cạn sâu, nếu đối với duyên khởi tùy theo nói về thật có, hoặc tuy là phá bỏ thật mà hãy còn giả có, thì đã hiểu tướng chưa hết, hiển bày lý chưa đến cùng, cho nên không phải là liễu nghĩa; nếu nói duyên sinh tức là tánh Không, không ngăn ngại duyên khởi dung thông không hai, hiểu duyên đã hết, lý tánh hiện rõ tròn vẹn, thì mới là liễu nghĩa. Kinh Diệu Trí ấy dựa vào hai môn trên, Trí Quang đã phân định rất có đạo lý. Vì thế cho nên hai cách nói đều dựa vào môn riêng biệt không đến với nhau, lẽ nào có trái ngược nhau?

Hai là dựa theo cơ tiếp nhận giáo. Hỏi: Hai cách nói về ba giáo đều là ban đầu nói đến Tiểu, Hoa Nghiêm ban đầu nói làm sao giải thích phù hợp? Đáp: Các vị có ba cách giải thích:

Một cách nói là ba pháp luân này dựa theo cơ Tiệm ngộ mà nói, Hoa Nghiêm lúc đầu dựa theo cơ Đốn ngộ mà nói. Nếu như vậy thì kinh Mật Tích Lực Sĩ lúc ban đầu nói đầy đủ về pháp Tam thừa, kinh này là thuộc về Tiệm hay thuộc về Đốn? Nếu như là Tiệm giáo thì lẽ ra chỉ nói đến Tiểu, nếu như là Đốn giáo thì lẽ ra chỉ nói đến Đại, kinh ấy đã có đủ ba thì cuối cùng trở thành trái ngược có hại, vì thế cho nên cách giải thích này cũng khó sử dụng.

Một cách nói là nếu dựa vào môn hiển bày rõ ràng, thì có thứ tự ba pháp như trước; nếu dựa theo môn bí mật, thì các thuyết đồng thời. Nếu như vậy thì lúc ban đầu Tiểu hiển bày mà Đại bí mật, sao không dùng Đại hiển bày mà Tiểu bí mật? Vả lại, phân định về hiển mật này trích từ Thánh giáo nào, lý đã không như nhau, lại không có Thánh giáo, cho nên khó y theo sử dụng. Hai cách giải thích trên đây, ba pháp luân này thâm nhiếp pháp không hết, đầu thì Tiệm mà không phải là Đốn, sau thì Hiển mà không phải là Mật.

Một cách nói rằng chỉ là viên âm của Như Lai diễn nói như nhau, khác loại đều hiểu được, dựa vào Tiểu kết tập chỉ nói đến Tiểu thừa, dựa vào Đại kết tập chỉ nói đến Đại thừa, dựa vào cùng kết tập nói đầy đủ Tam thừa. Nếu như vậy thì tùy một kết tập đều không có trước sau, sao có thứ tự ba giáo như vậy? Nay giải thích vấn nạn này thì hội tụ hai cách nói, luận rộng về viên âm của Như Lai nói pháp phần lớn thể lệ có hai: Một là vì người căn định ở đời này mà nói, hai là vì người căn bất định ở đời này mà nói.

*Trong phần một có ba tiết:* Một là hoặc có chúng sinh ở đời này nhất định là căn tánh Tiểu thừa, thấy Đức Phật trước sau chỉ nói về Tiểu thừa, như các bộ Tiểu thừa, kết tập ba Tạng hoàn toàn không có Đại thừa. Hai là hoặc có chúng sanh ở đời này thuần thực căn tánh Tam thừa, thấy Đức Phật trước sau chỉ nói về Tam thừa, như kinh Mật Tích Lực Sĩ, khi Đức Phật ban đầu ở vườn Lộc Uyển nói pháp, vô lượng chúng sinh đạt được quả A-la-hán, vô lượng chúng sinh thành đạo Bích-chi Phật, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề, trú vào Sơ địa..., cho đến nói rộng ra. Đại Phẩm và Đại Bát-nhã cũng nói giống như vậy, bởi vì dựa theo nghĩa này, về sau đã nói đều gồm chung đầy đủ Tam thừa này, như trong các kinh Đại thừa đã nói. Ba là hoặc có chúng sinh ở đời này thuần thực căn tánh Nhất thừa, thì ban đầu thấy Đức Phật trong Hoa Tạng thế giới dưới tán cây chúa(thọ vương) dựa vào định Hải Ấn, chỉ vì Bồ-tát diễn nói về pháp môn Vô tận viên mãn tự tại vô ngại, đầy đủ chủ-bạn, cho đến cuối cùng cũng nói giống như vậy, bởi vì trong pháp này bao quát tất cả chín đời, thâm nhiếp đầy đủ trước sau.

*Hai là vì người căn bất định, có hai phần vị:* Một, bởi vì ở đời này không nhất định là căn Tiểu thừa, cho nên có thể thích hợp tiến vào phần vị Tam thừa, thì ban đầu nghe chỉ có Tiểu cho là không liễu nghĩa, tiếp đến nghe chỉ có Đại cũng không phải là liễu nghĩa, sau đó nghe đầy đủ Tam thừa mới thật là liễu nghĩa. Kinh Giải Thâm Mật dựa vào căn này mà biện giải. Hai, bởi vì ở đời này không nhất định là căn Tiểu thừa, cho nên có thể thích hợp tiến vào phần vị Nhất thừa, thì ban đầu chỉ nói Tiểu là giáo không liễu nghĩa, tiếp đến gồm chung Đại-Tiểu cũng không phải là giáo liễu nghĩa, sau đó hội tụ ba quy về một chỉ nói Nhất thừa mới là giáo liễu nghĩa. Kinh Diệu Trí thích hợp với ý này. Do căn không nhất định mà có hai môn này, vì thế hai Sư đều thuật một môn, cho nên không trái ngược nhau. Do có căn nhất định và không nhất định ở đời này như vậy, vì thế cho nên khiến giáo môn ấy hoặc có trước sau, hoặc không có trước sau, dựa theo giải thích có thể biết.

**5. Trình bày về hiện truyền:** Ngày nay các vị ở trong Đại thừa tự có hai thuyết: Một là lập ra Đại thừa thuộc Tam thừa, bởi vì tông này chấp nhận Nhị thừa tiến vào tịch diệt chắc chắn không thành Phật, cho nên dựa theo năm tánh sai biệt ấy mà nói đầy đủ Tam thừa. Hai là lập ra Đại thừa thuộc Nhất thừa, bởi vì tông này chấp nhận Nhị thừa tiến vào tịch diệt cũng đều thành Phật, cho nên dựa theo Phật tánh này có khắp, chỉ nói đến Nhất thừa.

Một, Sư trước dẫn ra giáo thành lập rằng: Như kinh Đại Bát-nhã

quyển 590 nói: “Nếu chủng loại hữu tình là tánh quyết định thuộc về Thanh văn thừa, thì nghe pháp này rồi nhanh chóng có thể chứng được địa vô lậu của mình; tánh quyết định thuộc về Độc giác thừa, thì nghe pháp này rồi nhanh chóng dựa vào Thừa của mình mà được giải thoát(xuất ly), tánh quyết định thuộc về Vô thượng thừa, thì nghe pháp này rồi nhanh chóng chứng được Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề. Nếu chủng loại hữu tình tuy chưa chứng nhập Chánh tánh ly sanh, mà tánh không nhất định thuộc về Tam thừa, thì nghe pháp này rồi đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng giác.”

Lại kinh Giải Thâm Mật quyển thứ hai nói: “Cho đến trải qua nói về pháp yếu, đó là tướng không có tánh thuộc tự tánh, thắng nghĩa không có tánh thuộc tự tánh, cho đến các hữu tình thuộc chủng tánh Thanh văn thừa, cũng nhờ vào đạo này-hành tích này cho nên đích thực đạt được Niết-bàn an ổn Vô thượng. Tất cả Thanh văn Độc giác Bồ-tát đều cùng chung một đạo vi diệu thanh tịnh này, đều cùng chung một thanh tịnh cứu cánh này, lại không có loại thứ hai. Ta dựa vào ý sâu kín vốn có này cho nên nói chỉ có Nhất thừa, không phải là ở trong tất cả hữu tình giới, không có các loại chủng tánh hữu tình, hữu tình sai biệt hoặc là tánh thuộc Độn căn, hoặc là tánh thuộc Trung căn, hoặc là tánh thuộc Lợi căn.” Giải thích: Đây là dựa theo Tam thừa cùng chung một đạo Vô tánh đã quán, ý sâu kín nói đây gọi là Nhất thừa, lý thật thì Tam thừa đều chứng Niết-bàn không phải là một.

Lại trong luận Du-già quyển 37 nói: “Bổ-đặc-già-la thành tựu, thì tóm lược nói về bốn loại: Có chủng tánh Thanh văn, dùng Thanh văn thừa mà thành tựu; có chủng tánh Độc giác, dùng Độc giác thừa mà thành tựu; có chủng tánh Phật, dùng Vô thượng thừa mà thành tựu; không có chủng tánh, thì dùng nẻo thiện mà thành tựu.” Kinh Thiện Giới và luận Địa Trì đều nói giống như vậy.

Lại trong kinh Giải Thâm Mật nói: “Bổ-đặc-già-la thuộc chủng tánh Thanh văn luôn luôn hưởng đến vắng lặng, tuy được chư Phật thì thiết các loại gia hạnh dũng mãnh, phương tiện dẫn dắt chuyển hóa, nhưng cuối cùng không có thể khiến cho họ ngồi nơi đạo tràng chứng được A-nậu Đa-la Tam miệu Tam Bồ-đề.” Kinh Thâm Mật Giải Thoát cũng nói giống như vậy.

Kinh Thập Luân quyển thứ chín cũng nói Tam thừa đều nhất định sai biệt.

Các văn như vậy đều không phải là Tiểu thừa, là trong Đại thừa chấp nhận có ba sai biệt, vì thế cho nên đều là giáo Đại thừa thuộc Tam

thừa.

Hai, Sư sau dẫn ra giáo Đại thừa thuộc Nhất thừa ấy: Kinh Niết-bàn quyển 33 nói: “Tất cả chúng sanh cùng có Phật tánh, đều cùng Nhất thừa, cùng một giải thoát, một nhân một quả, cùng một Cam lồ, tất cả sẽ đạt được Thường-Lạc-Ngã-Tĩnh, đó gọi là một vị”.

Lại kinh Pháp Hoa quyển thứ nhất nói: “Trong cõi Phật ở mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, không có hai cũng không có ba, trừ Đức Phật phương tiện nói ra”. Lại nói: “Ban đầu dùng Tam thừa dẫn dắt chúng sinh, sau đó chỉ dùng Đại thừa mà độ thoát họ”. Lại trong quyển thứ ba nói: “Sau khi Ta diệt độ, lại có đệ tử không nghe kinh này, không biết không hiểu những công hạnh của Bồ-tát, tự đối với công đức đã đạt được sinh khởi ý tưởng diệt độ, tiến vào Niết-bàn. Ta ở cõi nước khác làm Phật lại có tên gọi khác, người này tuy sinh khởi ý tưởng diệt độ, tiến vào Niết-bàn, mà ở cõi kia cầu trí tuệ của Phật”. Trong luận Đại Trí Độ quyển 95 cũng nói giống như vậy.

Lại trong luận Pháp Hoa nói: “Trong bốn Thanh văn, lui sụt tâm Bồ-đề và ứng hóa, hai Thanh văn này Đức Phật thọ ký cho; quyết định và tăng thượng mạn thì hai căn này bởi vì chưa thuần thực, cho nên Bồ-tát thọ ký, phương tiện khiến cho phát tâm.” Giải thích: Đã chỉ nói đến chưa thuần thực, không nói đến không có căn, cho nên biết nhất định sẽ đạt được Bồ-đề của Phật. Lại nói rằng phương tiện khiến cho phát tâm, tức là phát tâm Bồ-đề.

Lại trong Nhập Lăng Già quyển thứ hai-thứ tư và thứ bảy đều cùng nói Nhị thừa không có thật Niết-bàn, nhưng trú trong lực Tam-muội, về sau nhất định sẽ đạt được Vô thượng Bồ-đề.

Trong luận Pháp Hoa nói: “Người thứ tư là phương tiện khiến cho đi vào thành Niết-bàn. Thành Niết-bàn là khu thành của các thiền Tam-muội, đi qua thành ấy rồi khiến cho tiến vào thành Đại Bát Niết-bàn.” Ở đây giống như niềm vui trú trong Tam-muội ở Lăng Già, bởi vì lìa Phần đoạn cho nên tạm nói Niết-bàn, mà thật sự có thân Biến dịch kia. Vì thế cho nên ở trong Tịnh độ thực hành đạo Bồ-tát.

Kinh Thắng Man nói: “Nói về các hàng Nhị thừa đạt được Niết-bàn, là Phật phương tiện, chỉ có Như Lai đạt được Bát Niết-bàn.” Lại kinh này và kinh Vô Thượng Y, luận Bảo Tánh, luận Phật Tánh, đều nói Nhị thừa nhập diệt, ở ngoài ba cõi thọ thân Biến dịch.

Lại trong kinh Mật Nghiêm, Nhị thừa nhất định không có vĩnh viễn dập tắt không còn tro nóng (khô đoạn vĩnh diệt).

Các văn như vậy cũng là Đại thừa, không chấp nhận Tam thừa

quyết định sai biệt, vì thế cho nên gọi là Nhất thừa giáo.

**6. Xác định quyền-thật:** Hoặc có người nói Nhất thừa là Quyền, Tam thừa là Thật. Bởi vì kinh Thâm Mật, thời giáo thứ nhất chỉ vì người phát khởi hướng về Thanh văn thừa, nói chính là cuối cùng không có thành Phật; thời giáo thứ hai chỉ vì người phát khởi hướng về tu Đại thừa, nói chính là cuối cùng đều thành Phật. Hai thời giáo này hoặc vượt quá hoặc không đạt tới, cho nên đều không phải là liễu nghĩa; không giống như thời giáo thứ ba, có chủng tánh thì thành tựu, không có chủng tánh thì không thành tựu, mới là liễu nghĩa.

Pháp Hoa đã là thời giáo thứ hai, tức là quyền biến mà nói về ý sâu kín. Vì thế cho nên kinh Thắng Man lấy Nhất thừa làm phương tiện mà nói. Do đó lý thật ra chỉ dựa theo chủng tánh bất định nói là Nhất thừa. Nhiếp Luận, Trang Nghiêm luận, Hiền Dượng luận... đều giải thích giống như vậy.

Lại trong Pháp Hoa quyển thứ ba: “Sinh khởi ý tưởng diệt độ tiến vào Niết-bàn...” Dựa vào Du-già 81 đều là Thanh văn biến hóa thị hiện nhập diệt. Lăng Già, Mật Nghiêm đều giải thích phù hợp giống như vậy.

Kinh Vô Thượng Y, luận Bảo Tánh..., đều là Nhị thừa bất định hướng về Bồ-đề tăng thêm thọ mạng Biến dịch, không phải là nói nhập diệt lại khởi lên thọ thân. Du-già nói: “Trong bốn câu vốn chuyển hai Thức thành tựu-không thành tựu, câu thứ tư là cả hai không thành tựu, vì lúc Thanh văn-Độc giác tiến vào cảnh giới Vô dư y Niết-bàn.” Lại trong quyển 80 nói: “Trong cảnh giới Vô dư y Niết-bàn chỉ có pháp giới chân như thanh tịnh.”

Dựa vào các văn này, nhập Niết-bàn rồi, thân-trí đều diệt, căn-thức vĩnh viễn không còn, lẽ nào có Biến dịch tu hành thành Phật? Vì vậy cho nên chỉ có Nhất thừa, không phải là cuối cùng liễu nghĩa.

Trong kinh Thâm Mật, thời thứ ba rộng ra vì người phát khởi hướng về tất cả các Thừa, mà gọi là liễu nghĩa, cho nên biết Tam thừa là tất cả lý về Thật giáo.

Lại kinh Thâm Mật quyển thứ hai-thứ tư đều nói “Nhất thừa là nói về ý sâu kín”, cho nên biết là Quyền.

Hoặc có người nói Nhất thừa là Thật, Tam thừa là Quyền, nghĩa là kinh Pháp Hoa chỉ là một Phật thừa, kinh Thâm Mật là Tam thừa, bởi vì sau nói về định tánh Nhị thừa diệt cũng không còn, phương tiện nói là ba chữ thật sự chỉ là một. Nếu nói Pháp Hoa là thời giáo thứ hai, thì bởi vì dẫn dắt Nhị thừa bất định cho nên nói tất cả đều thành Phật, mà

hãy còn chưa nói đến định tánh không thành, cho nên không phải là liễu nghĩa. Nếu như vậy thì thời của Pháp Hoa hãy còn chưa nói là có định tánh Nhị thừa, vì sao luận kia lập ra bốn Thanh văn? Định tánh ấy nói từ nơi nào có được? Nếu có định tánh thì lẽ nào có thể toàn bộ đều thành? Nếu chấp nhận toàn bộ đều thành thì sao gọi là định tánh? Cho nên biết nói đến định tánh là nhắc lại kinh Thâm Mật đã nói trước đây, sau đến Pháp Hoa trình bày về tất cả đều thành Phật. Vì vậy luận kia thuận theo văn kinh này, hội tụ nói về Quyền giáo trước đây quy về Thật giáo sau này, cho nên biết Pháp Hoa nhất định nói ở sau Thâm Mật, Diệu Trí ba giáo Nhất thừa ở sau Tam thừa. Trong Lương Nhiếp luận thành lập ba Chánh pháp cũng Nhất thừa ở sau, đều nói giống như vậy.

Trong Pháp Hoa, sinh khởi ý tưởng diệt độ nhập Niết-bàn..., giải thích là biến hóa thị hiện diệt, rất trái với giáo lý. Trái với giáo, nếu là Thanh văn biến hoá thì thật sự là chư Phật Bồ-tát, lẽ nào có thể mê lầm Niết-bàn mình đã thị hiện mà sinh khởi ý tưởng diệt độ? Nếu đưa ra cách giải thích này thì vốn là chưa đọc kinh. Trái với lý, nếu nhập Niết-bàn là vĩnh viễn đoạn diệt, thì chư Phật Bồ-tát ở trước chúng sinh đã hóa độ thị hiện Niết-bàn. Nếu chủng tánh bất định đã hóa độ kia là người dũng mãnh, thì không sợ sinh tử mà có thể tu thắng hạnh. Nếu có một loại tánh khiếp nhược, sợ hãi sinh tử mà học Phật Bồ-tát, thì trước là nhập Niết-bàn mong muốn về sau thực hành đạo Bồ-tát. Tông của ông nhập diệt đã không có dấy khởi, lẽ nào không làm hại một loại chúng sinh kia? Đây chính là làm hại chúng sinh sao trở thành dẫn dắt? Hướng gì văn này đều có liên quan với nhau? Lại cũng chưa thấy ý kinh Thắng Man, chính là đoạn Nhất thừa để làm phương tiện. Kinh ấy nói: “Nếu Như Lai tùy theo ý muốn kia mà phương tiện nói, thì đều là Nhất thừa chứ không có Nhị thừa, Nhị thừa tiến vào Nhất thừa, Nhất thừa tức là Đệ nhất nghĩa Thừa. Lại trong kinh ấy mở rộng phá bỏ Nhị thừa nói là không có Niết-bàn. Lại nói: “Kinh này đoạn tất cả nghi ngờ, quyết định liễu nghĩa tiến vào đạo Nhất thừa.” Lẽ nào nói Nhất thừa cho là phương tiện hay sao?

Trong kinh Giải Thâm Mật, Nhất thừa là mật ý, là bởi vì trước khi chưa nói Pháp Hoa cho nên đưa ra cách nói này, và về sau nói Pháp Hoa thì hội tụ Tam thừa trước đây đều là phương tiện. Luận Du-già chuyển căn bản cùng diệt, luận Hiển Dương có sáu nghĩa nói về Nhất thừa, Nhiếp luận có mười nghĩa nói về Nhất thừa, đều cùng giải thích phù hợp với kinh Thâm Mật, bởi vì những luận này thuận theo kinh ấy mà soạn ra. Luận Pháp Hoa nói quyết định Nhị thừa cũng thọ ký..., là thuận



theo bản kinh này mà soạn ra. Nếu không tin Nhất thừa, giữ lấy Quyền trái với Thật thì rất là đáng thương xót!

Kinh Bách Dụ quyển thứ hai nói: “Xưa có một thôn xóm, cách Vương thành năm Do tuần, trong thôn có dòng nước ngon ngọt, vua truyền lệnh cho người trong thôn hằng ngày phải chuyển nước ngon ấy đến, người trong thôn mệt mỏi khổ sở đều muốn chuyển đi xa khỏi thôn này. Lúc ấy chủ thôn kia nói với mọi người rằng: Mọi người đừng đi, ta sẽ vì mọi người trình bày với nhà vua thay đổi năm Do tuần làm ba Do tuần, khiến cho mọi người được gần, đi lại không mệt nhọc. Thế là đến trình bày với nhà vua, nhà vua vì vậy thay đổi con đường làm ba Do tuần. Mọi người nghe rồi thì vô cùng vui mừng. Có người nói rằng: Con đường này vốn là năm Do tuần lúc đầu, lại không có gì khác. Tuy nghe lời này nhưng tin lời nhà vua cho nên cuối cùng không chịu rời bỏ. Người thế gian cũng lại như vậy, tu hành Chánh pháp vượt qua năm nẻo nhằm đến khu thành Niết-bàn, tâm sinh mệt nhọc rã rời, liền muốn rời bỏ, lập tức thuận theo sinh tử không có thể tiến lên nữa. Như Lai Pháp Vương có Đại phương tiện, đối với pháp Nhất thừa phân biệt nói thành ba. Người Tiểu thừa nghe mà vui mừng cho là dễ thực hành, tu pháp thiện tiến tới đức mong cầu vượt qua sinh tử. Sau nghe người nói không có Tam thừa vốn chỉ là Nhất thừa. Bởi vì tin theo lời Đức Phật cho nên cuối cùng không chịu rời bỏ, như người trong thôn kia cũng lại như vậy. Giải thích: Kinh này tức là từ kim khẩu rất quyết đoán, Quyền-Thật hiển bày rõ ràng, có thể chấm dứt các thuyết mà thôi.

**7. *Hiển bày khai-hợp:*** Như vậy Tam thừa-Nhất thừa đều có hai loại. Hai loại thuộc Tam thừa: Một là Tam thừa khác thời, như kinh Thâm Mật, thời thứ nhất chỉ có Tiểu thừa, thứ hai chỉ có Đại thừa; hai là Tam thừa cùng thời, như thời thứ ba rộng ra vì phát khởi hương đến tất cả các Thừa..., ở trong giáo này tương Nhất thừa ẩn kín, tương Tam thừa hiển bày, cho nên dựa vào hiển bày tổng quát gọi là Tam thừa. Hai loại thuộc Nhất thừa: Một là phá bỏ về khác-trình bày về một, như kinh Pháp Hoa phá bỏ về hai Thật diệt, đến kinh Niết-bàn phá bỏ về không có Phật tánh, đều là đối với Quyền hội tụ-phá bỏ mới nói Nhất thừa; hai là ngay Thể hiển bày về một, như kinh Hoa Nghiêm không đối với Nhị thừa bởi vì không có gì phá bỏ, vì Đại Bồ-tát thẳng thắn nêu ra nghĩa pháp giới thành Phật. Vì thế cho nên ban đầu nói Hoa Nghiêm không có Quyền có thể hội tụ, cuối cùng nói Niết-bàn hội tụ các Quyền trước đây, vậy thì không phải là toàn bộ Quyền không có, bởi vì hiển bày về Thật này cùng gọi là Nhất thừa.

Vả lại, trải qua Khai đều có ba loại. Ba loại thuộc Tam thừa: Một là trước khác sau giống ba, nghĩa là trước dựa theo nhân tu Tứ đế-Duyên sinh-Lục độ... khác biệt, sau dựa vào đạt được quả thì người Tam thừa thân-trí cùng diệt. Như Câu Xá... nói, đây là dựa theo giáo Tiểu thừa ở thời thứ nhất mà nói. Hai là trước giống sau khác ba, nghĩa là cùng nghe Bát-nhã, cùng quán Vô tánh, người Tam thừa đều đạt được quả của mình, như trước đã dẫn ra giải thích. Nếu dựa vào Thánh đế-Duyên sinh-Lục độ hạnh khác nhau thì cũng có thể gọi là trước sau khác nhau, đây là nói đến thời giáo thứ hai-thứ ba. Ba là gần khác xa giống ba, nghĩa là Pháp Hoa... ban đầu dùng Tam thừa làm phương tiện dạy dỗ dẫn dắt, sau cùng lấy Đại thừa khiến cho được độ... Ba loại thuộc Nhất thừa: Một là giữ một của ba, như kinh Thâm Mật... nói. Hai là ngăn một của ba, như kinh Pháp Hoa... Ba là nêu một của Thế, như kinh Hoa Nghiêm... Vì thế cho nên nói chung có bốn câu ấy: Một, hoặc là chỉ có ba mà không có một, như Câu Xá... Hai, hoặc là chỉ có một mà không có ba, như kinh Hoa Nghiêm... Ba, hoặc là cũng một cũng ba, câu này có hai phần vị: Trước là ba Thật một Quyền, như kinh Thâm Mật...; sau là một Thật ba Quyền, như kinh Pháp Hoa... Bốn, hoặc là không phải một không phải ba, bởi vì dựa theo lý không còn ngôn từ.

**Trong Đại Bát-nhã:** “Xá-lợi-tử hỏi Thiện Hiện rằng: Như Lai thọ ký cho các Thiên tử, ở trong Tam thừa thì Thừa nào được thọ ký? Thiện Hiện đáp rằng: Ở trong pháp tướng không có một không có ba, vì sao hỏi rằng ở Thừa nào được thọ ký?” Vì thế cho nên Nhất thừa-Tam thừa có còn-có mất, các thuyết không giống nhau. Hoặc nghe chỉ phá bỏ Nhị thừa thì nói là chỉ dựa theo chủng tánh bất định. Hoặc nghe không có hai cũng không có ba thì nói là Thật giáo của Đại thừa cũng phá bỏ. Hoặc nghe không phá bỏ Đại thừa thì nói là Quyền giáo của Đại thừa cũng giữ lại.

*Nay giải thích có hai phần vị:* Một là dựa theo sự phá bỏ thì Thật giáo của Nhị thừa diệt mất, hai là dựa theo giáo thì cũng hội tụ Quyền giáo của Đại thừa. Quyền giáo của Đại thừa chấp nhận Nhị thừa nhập tịch diệt vốn không thành Phật, nhưng đi sâu vào phá bỏ Nhị thừa tức là phá bỏ Tam thừa, cho nên phá bỏ hai-phá bỏ ba đều không trái ngược nhau.

**8. Giáo trước sau:** Nay biện giải về pháp Như Lai đã thuyết ra trong một đời, dựa theo thời hiển bày giáo, phần lớn theo thể lệ có bốn: Một, Bốn mặt sai biệt môn; hai, Y bốn khởi mặt môn; ba, Nhiếp mặt quy bốn môn; bốn, Bốn mặt vô ngại môn.

Một, Bốn-mạt cùng lúc, trước sau một loại: đều không nói khác nhau. Nhưng có ba phần vị: Một, nếu trong Tiểu thừa thì lúc đầu độ năm anh em Kiều Trần Na..., cuối cùng độ Tu-bạt-đà-la. Khoảng giữa lại cũng chỉ nói về Tiểu thừa, chỉ lợi ích cho Tiểu cơ, như kinh Tứ A-hàm và năm bộ Luật như Di Giáo... Hai, nếu dựa theo Tam thừa thì từ đầu đến cuối đều nói về Tam thừa, cùng lợi ích cho ba cơ, như trước đã dẫn ra các kinh Đại thừa như kinh Lực Sĩ, kinh Đại Bát-nhã..., trong đó tuy có Quyền-Thật không giống nhau nhưng đều có đủ Tam thừa. Ba, nếu dựa theo Nhất thừa thì từ ban đầu đến cuối cùng vì Đại Bồ-tát chỉ nói đến Nhất thừa, như thời ban đầu nói về Hoa Nghiêm..., trong đó không bao gồm Nhị thừa, lại thâm nhiếp chín đời bao quát trước sau, vì thế cho nên đến cuối cùng lại không nói khác nhau. Nhưng ba loại này đã dựa vào người căn nhất định ở đời này mà nói, đây tức là các giáo hướng về nhau đều gồm chung trước sau, hoàn toàn không có trước sau.

Hai, Y bốn khởi mạt môn, có bốn loại: Một là thời thứ nhất vì Đại Bồ-tát nói về Đại thừa, tiếp nói về Trung thừa, tiếp theo nói về Tiểu thừa, sau nói về người-trời. Như kinh này sau phẩm Tánh Khởi nói: “Thí như mặt trời mọc, trước hết chiếu rọi tất cả các núi chúa lớn, tiếp chiếu rọi tất cả núi lớn, tiếp theo chiếu rọi núi báu Kim cang, sau đó mới chiếu rọi khắp nơi tất cả mặt đất. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, thành tựu mặt trời trí tuệ soi sáng vô lượng vô biên thế giới, thường phóng vô lượng ánh sáng trí tuệ vô ngại, trước hết chiếu rọi các núi chúa lớn là các Bồ-tát Ma-ha-tát..., tiếp chiếu rọi Duyên giác, tiếp theo chiếu rọi Thanh văn, tiếp theo chiếu rọi chúng sinh thiện căn quyết định tùy theo thích ứng tiếp nhận giáo hóa, sau đó chiếu rọi tất cả chúng sinh cho đến tà định, để làm nhân duyên lợi ích cho đời vị lai.” Lại trong phẩm này nói: “Như ba ngàn thế giới lúc ban đầu mới thành lập, trước hết thành lập cung điện của chư Thiên cõi Sắc, tiếp thành lập cung điện của chư Thiên cõi Dục, tiếp thành lập xứ sở loài người và các trú xứ của chúng sinh khác. Như Lai Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác cũng lại như vậy, trước hết khởi lên trí tuệ các hạnh của Bồ-tát, tiếp khởi lên Duyên giác-Thanh văn và tất cả thiện căn của chúng sinh khác.” Dựa vào các văn này trình bày về Đức Phật lúc ban đầu nói về Đại sau mới dần dần nói về Tiểu. Dựa theo pháp để trình bày về y bốn khởi mạt, không phải là dựa theo căn khí, bởi vì không có trước học về Đại sau mới học về Tiểu.

Hỏi: Pháp lẽ nào không khác biệt chẳng?

Đáp: Bởi vì pháp của Tiểu thừa nhất định từ Đại thừa mà phát

sinh. Kinh Văn Thù Vấn nói: “Mười tám bộ và vợ cũ của Tỳ-kheo (bổn nhị) đều từ Đại thừa mà phát sinh”. Luận Phổ Siêu Tam Muội và luận Nhập Đại Thừa, ý đều giống như vậy.

Ba, Nhiếp mật quy bốn môn. Theo kinh Vô Lượng Nghĩa, ban đầu nói đến Tiểu thừa, tiếp nói về Trung thừa, về sau nói đến Đại thừa. Theo kinh Giải Thâm Mật, thời thứ nhất chỉ có Tiểu thừa, thời thứ hai chỉ có Đại thừa, thời thứ ba có đủ Tam thừa. Theo kinh Diệu Trí, lúc đầu chỉ có Tiểu thừa, tiếp có đủ Tam thừa, sau chỉ có Nhất thừa. Đây tức là kinh Vô Lượng Nghĩa hợp Đại khai Tiểu, kinh Thâm Mật... hợp Tiểu khai Đại, nghĩa là đối với Đại thừa mở ra Quyền-Thật. Nhưng Thâm Mật-Diệu Trí đã đều là Thánh giáo, không có thể lấy một-bỏ một, vì thế cho nên hợp hai kinh này tổng quát có bốn môn: Thời thứ nhất là Tiểu thừa, hai kinh cùng nói. Thời thứ hai chỉ có Đại thừa, chỉ riêng kinh Thâm Mật nói. Thời thứ ba đầy đủ Tam thừa, vậy là kinh Thâm Mật thứ ba, kinh Diệu Trí thứ hai. Thời thứ tư chỉ có Nhất thừa, chỉ riêng kinh Diệu Trí nói thời thứ ba. Vì vậy nên biết kinh Diệu Trí nói ở sau kinh Thâm Mật. Nếu nói là kinh Diệu Trí ở cõi này chưa phiên dịch mà không tin, thì kinh Thâm Mật ấy đã là giáo của thời thứ ba, như vậy chấp nhận định tánh Nhị thừa và vô tánh hữu tình đều không thành Phật. Đầy đủ Tam thừa gọi là tất cả Thừa, thì tức là Pháp Hoa và Niết-bàn đã nói ở sau Thâm Mật, nhưng định tánh Nhị thừa và vô tánh Xiển-đề thấy đều thành Phật, nên biết tức là thời thứ tư gọi là Nhất thừa giáo, vì vậy cùng với kinh Diệu Trí phù hợp sâu xa không nghi ngờ gì.

Lại ban đầu là Tiểu thừa giáo, theo Pháp Hoa... thì Đức Phật thành đạo sau hai mươi mốt ngày mới nói. Theo Chân Đế Tam Tạng Ký nói: “Đức Phật thành đạo sau bảy năm nói về các bộ Bát-nhã, là giáo của thời thứ hai.” Lại nói: “Ba mươi tám năm sau nói kinh Giải Tiết, là giáo của thời thứ ba.” Nay theo kinh Pháp Hoa và kinh Vô Lượng Nghĩa, đều nói bốn mươi năm sau nói về Pháp Hoa..., cho nên biết là nói sau Thâm mật. Chân Đế nói như vậy chắc chắn có Thánh giáo, nếu không có Thánh giáo thì lẽ nào có thể tự đưa ra số kể về năm tháng? Nếu không tin điều này, thì kinh Niết-bàn ở sau cuối là không nghi ngờ gì. Nhưng bốn thời này đều trước Quyền sau Thật, lấy sau hội tụ trước, nghĩa ấy quyết định Pháp Hoa và Niết-bàn hội tụ Tam thừa của Thâm Mật quy về cứu cánh Nhất thừa. Vì vậy bốn thời này từ cạn đến sâu trình bày về thứ tự Nhiếp mật quy bốn.

Bốn, Bốn mật vô ngại môn, nghĩa là lúc đầu nêu ra Bốn giáo chiếu rọi núi chúa, trình bày không phải là Bốn thì không thể phát khởi

Mạt; sau hiển bày quy tụ khác dòng về biển lớn, trình bày không phải là hết Mạt thì không thể quy về Bốn. Đây tức là Bốn-Mạt soi chiếu lẫn nhau, cho lấy giúp đỡ lẫn nhau, mới là khéo léo thâm nhiếp chúng sinh. Vì vậy luận chung gồm có năm phần vị: Một là Căn bản Nhất thừa giáo, phần này nói như Hoa Nghiêm; hai là Mật ý Tiểu thừa giáo; ba là Mật ý Đại thừa giáo; bốn là Hiển liễu Tam thừa giáo, ba phần vị trên nói như kinh Thâm Mật; năm là Phá dị Nhất thừa giáo, nói như Pháp Hoa và Niết-bàn... Bốn môn trên đây đã viên thông vô ngại, vậy thì trước sau tức là không có trước sau, không có trước sau tức là trước sau, đều không chướng ngại, suy nghĩ theo đó mà thôi.

**9. Dựa vào nghĩa phân giáo:** Giáo loại có năm, ở đây dựa vào phần nghĩa chứ không phải là dựa theo sự của thời: Một là Tiểu thừa giáo; hai là Đại thừa Thỉ giáo; ba là Chung giáo; bốn là Đốn giáo; năm là Viên giáo.

Một là Tiểu thừa có thể biết. Hai là Thỉ giáo, bởi vì trong kinh Thâm Mật giáo của thời thứ hai-thứ ba cùng chấp nhận định tánh Nhị thừa đều không thành Phật, cho nên nay hợp lại tổng quát làm một giáo, giáo này đã chưa tận cùng về lý của pháp Đại thừa, vì vậy lập làm Đại thừa Thỉ giáo. Ba là Chung giáo, định tánh Nhị Thừa, vô tánh Xiển-đề đều sẽ thành Phật, mới nói hết lý đến cuối cùng của Đại thừa, lập làm Chung giáo. Nhưng hai giáo trên đều dựa vào địa vị dần dần tu thành, cùng gọi là Tiệm giáo. Bốn là Đốn giáo, chỉ một niệm không sinh thì gọi là Phật, không dựa vào địa vị dần dần mà nói, cho nên lập làm Đốn. Như kinh Tư Ích nói: “Người đạt được các pháp Chánh tánh, không từ một địa đến nơi một địa.” Kinh Lăng Già nói: “Sơ địa tức là Bát địa cho đến không có tất cả thứ tự nào.” Lại trong phẩm Thập Địa ở sau, Thập Địa giống như dấu chim giữa hư không, lẽ nào có sai biệt đáng đạt được? Nói đầy đủ như kinh Chư Pháp Vô Hành... Năm là Viên giáo, trình bày về một phần vị tức là tất cả phần vị, tất cả phần vị tức là một phần vị, vì vậy Thập Tín đầy đủ tâm thì thâm nhiếp năm phần vị thành Chánh Đẳng Giác. Dựa vào pháp giới Phổ Hiền, Đế võng trùng trùng, chủ bạn đầy đủ, cho nên gọi là Viên giáo, nói như kinh này...

Nếu dựa theo những pháp tướng đã nói, thì một là trong Tiểu thừa, pháp tướng có bảy mươi lăm pháp, Duy thức có sáu, đã nói không tận cùng nguồn gốc của pháp, khởi lên nhiều tranh cãi khác nhau, nói như các bộ kinh-luận của Tiểu thừa. Hai là trong Thỉ giáo mở rộng nói về pháp tướng, mà ít nói đến chân tánh, đã thiết lập Bách pháp quyết trạch rõ ràng, cho nên không có tranh cãi trái ngược, đã nói về tám Thức chỉ

là tướng của pháp sinh diệt, danh số phần nhiều giống như Tiểu thừa, hẳn nhiên không phải là nói đến huyền diệu cứu cánh, nói như Du-già, Tạp Tập... Ba là trong Chung giáo, ít nói về pháp tướng mà mở rộng nói về chân tánh, bởi vì hội tụ sự thuận theo lý, đã thiết lập tám Thức nối thông với Như Lai Tạng, tùy duyên thành lập đầy đủ sinh diệt-không sinh diệt, cũng không luận đến Bách pháp, danh số không mở rộng, lại không giống như Tiểu cũng không có nhiều môn, nói như kinh Lăng Già..., luận Bảo Tánh... Bốn là trong Đốn giáo, toàn bộ không nói đến pháp tướng, chỉ biện giải về chân tánh, cũng không có tướng sai biệt của tám Thức, tất cả vốn có chỉ là vọng tưởng, tất cả pháp thật chỉ là tuyệt dứt ngôn ngữ. Chỉ trích giáo khuyến khích lìa bỏ, hủy tướng quên tâm, tâm sinh tức là vọng, không sinh tức là Phật, cũng không có Phật-không có gì không phải Phật, không có chúng sinh-không có gì không phải chúng sinh, như Tịnh Danh đứng im lặng hiển bày về Bất nhị... là ý ấy. Năm là trong Viên giáo, đã nói chỉ là vô tận pháp giới, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức tương nhập giống như Nhân-đà-la vòng tròn trùng không ranh giới, vi tế dung nạp lẫn nhau, chủ bạn vô tận, mười mười pháp môn đều xứng với pháp giới, nói đầy đủ như sau.

*Nhưng năm giáo này có khai-có hợp cũng có năm lớp:* Một, hoặc tổng hợp làm một, đó là chỉ riêng phương tiện thâm nhiếp chúng sinh là một Đại thiện xảo của Như Lai. Hai, hoặc tách ra làm hai, đó là Nhất thừa-Tam thừa giáo trong các giáo trước đây, tuy có còn ba-mắt hai không giống nhau, nhưng đều gồm chung Tam thừa hướng đến tiến vào, cho nên gọi là Tam thừa giáo; sau luôn luôn hiển bày về pháp căn bản không gồm chung Nhị thừa, cho nên chỉ là một. Tức là trong Trí Luận gọi là Cọng giáo-Bất cọng giáo, điều này cũng không giống như hai giáo đã lập của Sư Thượng Ấn... Ba, hoặc phân làm ba, đó là Tiểu thừa-Tam thừa-Nhất thừa giáo. Trí Luận đã lấy kinh này làm Bất cọng với Nhị thừa, cho nên gọi là Bất cọng, tức là Nhất thừa. Đại Phẩm... là gồm chung Tam thừa, cùng quán được lợi ích cho nên gọi là Cọng, tức là Tam thừa. Nghĩa dựa theo kinh Tứ A-hàm đã là Bất cọng thì Bồ-tát cũng gọi là Bất cọng, tức là Tiểu thừa. Dựa vào ba phần vị này, Lương Nhiếp Luận quyển tám nói: “Như Lai thành lập Chánh pháp có ba loại: Một là lập Tiểu thừa, hai là lập Đại thừa(có bản là chữ Tam thừa), ba là lập Nhất thừa. Loại thứ ba là thù thắng nhất cho nên gọi là khéo thành lập, điều này cũng giống như kinh Diệu Trí ở trên đã nói. Lại trong quyển thứ hai thuộc Bộ Di Chấp Số của Tam tạng Chân Đế cũng nói giống như vậy. Bốn, hoặc phân làm bốn, loại này có hai nghĩa: Một là ở

trong Cọng giáo trên đây dựa theo còn ba-mắt hai, tách ra hai giáo cho nên là bốn: 1) Biệt giáo Tiểu thừa; 2) Đồng giáo Tam thừa, như kinh Thâm Mật...; 3) Đồng giáo Nhất thừa, như kinh Pháp Hoa...; 4) Biệt giáo Nhất thừa, như kinh Hoa Nghiêm... Hai là dựa theo trải qua phần vị-không phần vị tách ra hai giáo Tiệm-Đốn cho nên là bốn: 1) Tiểu thừa giáo; 2) Tiệm giáo; 3) Đốn giáo; 4) Viên giáo. Năm, hoặc phân tán làm năm, ở trên Tiệm giáo lại phân ra hai giáo Thỉ-Chung, năm giáo trên đây không phải là bố cục phân định của kinh, nhưng phần nhiều mà luận, thì như trên đã đưa ra gồm chung các kinh luận, đều có thể biết.

**10. Dùng lý khai mở Tông chỉ. Tông chính là có mười:**

Một, Pháp-ngã câu hữu tông, đó là phần vị người-trời và Độc Tử Bộ trong Tiểu thừa... Tông ấy lập ra ba tụ pháp, một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi, ba là không phải hai tụ. Tức hai tụ đầu là pháp, một tụ sau là ngã. Lại lập ra năm tạng pháp: Một là quá khứ, hai là vị lai, ba là hiện tại, bốn là vô vi, năm là bất khả thuyết.

Hai, Pháp hữu-ngã vô tông, đó là Tát-bà-đa... Tông ấy nói các pháp do hai loại thân nhiếp, một là Danh, hai là Sắc. Hoặc do bốn loại thân nhiếp, đó là ba đời và vô vi. Hoặc lập ra năm pháp: Một là tâm, hai là tâm sở, ba là sắc, bốn là bất tương ưng, năm là vô vi. Đây tức là chỉ có pháp này chứ không có ngã riêng biệt.

Ba, Pháp vô khứ lai tông, đó là các thuyết như Đại chúng bộ..., có hiện tại và vô vi, bởi vì Thế-Dụng của pháp quá khứ và vị lai đều không có.

Bốn, Hiện thông giả thật tông, đó là Thuyết giả bộ..., tông ấy nói không có hai đời quá khứ và vị lai, ở trong pháp hiện tại thuộc về Uẩn thì có thể là thật, thuộc về Giới-Xứ là giả, tùy theo các pháp giả-thật không nhất định. Sự khác ở luận Thành Thật và Kinh bộ cũng giống như loại này.

Năm, Tục vọng-chân thật tông, đó là Thuyết xuất thế bộ..., tông ấy nói pháp thế tục là giả bởi vì hư vọng, pháp xuất thế là thật bởi vì không phải là hư vọng.

Sáu, Chư pháp dẫn danh tông, đó là Nhất thuyết bộ..., tất cả ngã-pháp chỉ có giả danh đều không có thật Thế. Tông này lại gồm chung Thỉ giáo của giáo ban đầu.

Bảy, Nhất thiết giai không tông, đó là Đại thừa Sơ giáo, nói về tất cả pháp đều là tánh Không, bởi vì vượt quá tình thức biểu thị không có phân biệt, như Bát-nhã...đều biện giải.

Tám, Chân đức bất không tông, đó là Chung giáo mà các kinh đã

nói, bởi vì tất cả các pháp chỉ là Chân như thâu nhiếp thật đức trong Như Lai Tạng, Chân Thể không Không vốn có đủ tánh đức.

Chín, Tướng tướng câu tuyệt tông, đó là bật dứt ngôn từ mà hiển bày về lý lìa xa ngôn từ trong Đốn giáo, lý-sự đều phai mờ bình đẳng lìa niệm.

Mười, Viên minh cụ đức tông, đó là như Biệt giáo Nhất thừa, pháp môn đã hiển bày vô tận tự tại đầy đủ chủ-bạn.

Trên đây sơ lược đưa ra nội dung chính về phân giáo khai tông, mở rộng dẫn ra giáo lý, trình bày đầy đủ về tướng của nghĩa thì nói như Biệt ký.

Bốn- Lựa chọn giáo đã che phủ cơ. Tất cả có mười phần vị, trong đó năm phần vị trước là lựa chọn không phải là căn khí ấy, năm phần vị sau là chính thức hiển bày về những việc làm(sở vi). Một là trong năm phần vị trước:

Một, trái với Chân không phải là căn khí: Đó là không phát tâm Bồ-đề, không cầu giải thoát, dựa vào bên cạnh kinh này cầu danh cầu lợi trang sức cho ngã-nhân, kinh không phải là duyên ấy, cho nên loại ấy không phải là căn khí. Văn sau nói: Nói pháp vì danh lợi chính là ma nghiệp, lại như nói pháp bất tịnh rơi vào ác đạo...

Hai, trái với Chánh không phải là căn khí: Đó là giả bộ hiện rõ Đại tâm, lừa dối tu tập tà thiện, gần thì cảm báo người-trời, cuối cùng không thể thành Phật, e rằng rơi vào địa ngục A-tỳ, nhiều kiếp nhận chịu khổ đau, như Đê-bà-đạt-đa làm hạng Xiển-đề, lại như tám Đại thiện nhân sẽ thành bất thiện. Trước dựa vào lúc ban đầu thì có thể biết, ở đây dựa vào lúc cuối cùng mới hiển bày. Văn sau nói: Quên mất tâm Bồ-đề, tu các thiện căn chính là ma nghiệp. Kinh không phải là duyên này, cho nên cũng không phải là căn khí.

Ba, trái với Thật không phải là căn khí: Đó là tuy không giả dối, nhưng tùy theo kiến chấp của mình mà chọn lấy văn kinh, liền khiến cho vượt lên trên tình thức đến được giáo, quay lại không tiến vào tâm cho nên trở thành căn khí sai trái. Địa Luận nói: “Nghe dấy lên nghe hiểu, không có thể không nghe”. Lại như năm loại sai lầm tùy theo âm thanh chọn lấy nghĩa...

Ba phần vị trên đây đều là cảnh giới của chúng sinh phàm ngu. Văn sau nói: Kinh này không đưa vào tay của tất cả chúng sinh, chỉ trừ ra Bồ-tát, bởi vì kinh này không phải là duyên của chúng sinh lưu chuyển, cho nên không đưa vào tay.

Bốn, hạn hẹp kém cõi không phải là căn khí: Đó là tất cả Nhị thừa



không có tâm rộng lớn, cũng không phải là căn khí này. Văn sau nói: Tất cả Thanh văn-Duyên giác không nghe đến kinh này, huống gì thọ trì? Lại năm trăm Thanh văn như Xá-lợi-phất..., đều như đui điếc không nghe không thấy.

Năm, giữ Quyền không phải là căn khí: Đó là các Bồ-tát Cọng giáo Tam thừa..., tùy theo trong tông của mình, bởi vì tu hành chưa đầy đủ A-tăng-kỳ thứ nhất, cho nên cũng không phải là căn khí này. Văn sau nói: Bồ-tát Ma-ha-tát, tuy trải qua vô lượng ức Na-do-tha kiếp thực hành sáu Ba-la-mật, tu tập đạo phẩm-thiện căn, chưa nghe đến kinh này, tuy nghe mà không tin tưởng thọ trì tùy thuận, các hạng này hãy còn là giả danh Bồ-tát.

Hỏi: Kinh Anh Lạc... nói là mười ngàn kiếp tu hạnh Thập Tín đầy đủ, vì sao trong này nói vô lượng ức... không tin tưởng kinh này?

Đáp: Bởi vì kinh ấy chỉ ở trong phần vị thực hành trái rộng (hành bố) tu hạnh như Tín..., ở đây Phổ Hiền-Thập Tín viên dung, một đầu nhiếp tất cả hãy còn chưa nghe tin, vì vậy cho nên biết hai tông sai biệt. Nếu không như vậy thì tu hành đã trải qua thời kiếp như thế mà không tin tưởng kinh này, sao gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát? Lựa chọn không phải là căn khí, xong.

Hai là hiển bày về việc đã làm (sở vi) trong năm phần vị sau:

Một, việc làm chính đáng: Đó là trong Bát cọng giáo Nhất thừa phủ khắp cơ Bồ-tát, chính là căn khí đã làm của kinh này. Văn sau nói: Kinh điển như vậy, chỉ vì Bồ-tát Ma-ha-tát dựa vào Thừa bất tư nghị mà nói, chứ không nói vì người khác. Giải thích: Thừa là lấy vận chuyển làm nghĩa. Nếu dựa vào môn riêng biệt thì ban đầu vận chuyển đến Thập Tín, tiếp vận chuyển đến Thập Trú cho đến Phật quả, lần lượt dựa vào nhau để bước lên bờ giải thoát, gọi là có thể nghĩ bàn. Nếu dựa vào Phổ Môn, thì một phần vị tức là tất cả phần vị, cũng một vận chuyển tức là tất cả vận chuyển, gọi là Thừa không thể nghĩ bàn. Dựa vào Thừa này, Thập Tín đầy đủ tâm thì đạt được sáu phần vị, nói như phẩm Hiền Thủ... Lại phần vị như Thập Trú... cũng đều như vậy, nói như các Hội-Xứ ở văn sau. Lại như Thiện Tài một đời đầy đủ năm phần vị..., bởi vì đều thu nhận tất cả pháp tướng này. Lại phẩm Lô-xá-na nói: Không phải là sự nhận biết của cảnh giới khác, Phổ Hiền phương tiện đều có thể tiến vào. Lại Phổ Hiền khuyên nhủ chúng rằng: Thân thanh tịnh của cảnh giới Phổ Nhãn, nay tôi diễn nói, các Nhân giả lắng nghe kỹ càng như vậy có thể biết.

Hỏi: Vì sao pháp này không phải là cảnh giới khác?

Đáp: Bởi vì Lô-xá-na phủ khắp mười phương, thích ứng với tất cả căn cơ khắp nơi pháp giới. Nếu cơ khác biệt ấy xứng với căn khí của mình, thì chỉ tự thấy điều mà mình đã thấy, nghe điều mà mình đã nghe, đều không thấy điều mà người khác đã thấy, không nghe điều mà người khác đã nghe. Cơ Phổ Hiền này chính là thấy tất cả những điều đã thấy, nghe tất cả những điều đã nghe, đều tận cùng phạm vi chủ động giáo hóa của Lô-xá-na, cho nên nói là cảnh Phổ Nhân. Vì vậy nên biết, hai cơ rộng khắp-riêng biệt cảm đến hai pháp rộng khắp-riêng biệt đều không giống nhau.

Hai, việc làm gồm đủ: Đó là trong pháp để lại (di pháp) thấy-nghe-tin, hưởng về pháp vô tận này, trở thành chủng tử Kim Cang, là nhất định đạt được pháp viên dung rộng khắp này. Như văn sau dụ về nuốt chứng Kim Cang, lại dụ về đốm lửa nhỏ đốt cháy lan rộng... Lại như Thiên tử Đâu-suất từ địa ngục thoát ra đạt được Thập địa Vô sinh nhẫn, lần lượt chuyển tiếp làm lợi ích không cùng tận... đều bởi vì xưa kia nghe pháp này làm nhân vốn có. Lại văn sau nói: Tuy đang ở trong biển lớn và ngọn lửa lúc kiếp tận, mà quyết định tin tưởng không nghi ngờ gì thì nhất định được nghe kinh này.

Ba, việc làm dẫn lối: Đó là lúc ấy như Bồ-tát Cọng giáo trước đây, ở trong giáo ấy đã lâu nuôi lớn hiểu sâu thấu suốt tận cùng nguồn giáo thực hành trải rộng, thì sẽ đạt được pháp giới Phổ Hiền này. Đã nói trải qua vô lượng ức Na-do-tha kiếp không tin vào kinh này, tức là biết vượt qua số kiếp này chắc chắn sẽ tin nhận, bởi vì lìa pháp rộng khắp này lại không có đường nào khác có thể thành Phật, cho nên kinh không nói người ấy vượt qua số kiếp này hãy còn không tin.

Hỏi: Nếu Địa tiền ấy vượt qua số kiếp ấy chắc chắn tin nhận, thì biết hai tông của Địa thượng không khác nhau, lẽ nào người ấy đã tin là không có Thập Địa hay sao?

Đáp: Ở trong giáo ấy có đủ thực hành trải rộng của Thập Địa dần dần cho đến Phật quả, nuôi lớn căn khí ấy cốt phải làm cho thành thực, người chậm nhất đến số kiếp này nhất định sẽ tin tưởng tiến vào, như người mau chóng ấy thì tức là không nhất định, có thể dựa theo mà biết thôi.

Bốn, việc làm chuyển hóa: Đó là các Nhị thừa bởi vì căn chậm chạp, cần phải trước tiên quay lại tiến vào Cọng giáo Đại thừa rồi bỏ tên gọi Nhị thừa được gọi là Bồ-tát, sau đó mới tiến vào pháp Phổ Hiền này, cho nên nói kinh này chỉ vì Bồ-tát chứ không thấu nhiếp Nhị thừa. Nếu không như vậy thì kinh Đại thừa khác có chúng Thanh văn là cơ đã

che phủ cũng dẫn dắt Nhị thừa khiến cho tiến vào Đại thừa, chỉ riêng kinh này chúng không có cơ Thanh văn, văn không nói đến rời bỏ Tiểu thừa, sao trở thành chuẩn mực sâu rộng của liễu nghĩa? Giả sử hội thứ tám có Thanh văn, là dựa vào so sánh hiển bày pháp biểu thị như đui điếc chứ không phải là đã che phủ, bởi vì sáu ngàn Tỳ-kheo ấy không phải là La-hán, cho nên không trái ngược nhau. Vì vậy nên biết, tất cả Nhị thừa hoàn toàn không có lập tức tiến vào pháp giới Phổ Hiền, dựa vào cuối cùng nói là không có Nhị thừa mà không quay lại tiến vào Cọng giáo Bồ-tát, không có Bồ-tát ấy mà không tiến vào pháp Phổ Hiền này, cho nên lần lượt chuyển tiếp không có gì không đều là căn khí của pháp này.

Năm, việc làm vượt xa: Đó là các phàm ngu, ngoại đạo, xiển-đề đều có Phật tánh, bởi vì nghiệp chướng sâu nặng cho nên lâu xa cũng sẽ được tiến vào pháp này, như luận Phật Tánh và luận Bảo Tánh đều nói. Bởi vì Nhất Xiển-đề phỉ báng nhân Đại thừa, dựa vào vô lượng thời gian mà nói là không có Phật tánh, không phải là nói hoàn toàn không có tánh thanh tịnh. Lại như kinh này, Đại thọ của tánh khởi không nảy mầm ở hai chốn Nhị thừa và Xiển-đề, cũng không rời bỏ tánh nảy mầm..., lại như các dụ về mặt trời chiếu rọi sinh ra lúa bắp... Vì vậy nên biết, tất cả chúng sinh cuối cùng không có chúng sinh nào không đều tiến vào pháp này, bởi vì pháp rộng khắp này chúng sinh cùng có. Văn sau nói: Bồ-tát biết trong thân của tất cả chúng sinh có Bồ-đề của Như Lai..

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao các luận như Du-già..., nói định tánh Nhị Thừa và vô tánh hữu tình nhất định không thành Phật?

Đáp: Đây là bởi vì giáo môn có liễu và bất liễu, cho nên có các thuyết như vậy. Nếu dựa vào Tiểu thừa, thì tất cả chúng sinh cuối cùng đều không có tánh Đại Bồ-đề, nói như luận Tiểu thừa. Nếu như Đại thừa thì Sơ giáo tức là năm tánh sai biệt, một phần có tánh-một phần không có tánh, như Du-già... Nếu dựa vào Chung giáo thì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, như kinh Niết-bàn..., như luận Phật Tánh... Nếu dựa vào Đốn giáo thì Phật tánh của chúng sinh cùng một vị-cùng một tướng, không thể nói có-không thể nói không có, lìa xa ngôn từ bật dứt suy nghĩ, nói như kinh Chư Pháp Vô Hành... Nếu dựa vào Viên giáo thì Phật tánh của chúng sinh có đủ nhân-có đủ quả, có tánh-có tướng, tròn vẹn sáng ngời đầy đủ công đức, như phẩm Tánh Khởi nói về Như Lai Bồ-đề xứ.

Năm- Phân rõ về Giáo Thể chủ động giải thích. Luận chung về

Giáo Thể, từ cạn đến sâu, sơ lược có mười môn: 1) Ngôn thuyên giáo Thể môn; 2) Thông nhiếp sở thuyên môn; 3) Biến cai chư pháp môn; 4) Duyên khởi duy tâm môn; 5) Hội duyên nhập thật môn; 6) Lý sự vô ngại môn; 7) Sự dung tương nhiếp môn; 8) Đế vông trùng trùng môn; 9) Hải ấn bính hiện môn; 10) Chủ bạn viên bị môn.

**1. Ngôn thuyên giáo Thể môn, có hai:** Trước là phân rõ Tiểu thừa, sau là hiển bày Đại thừa. Trong phần trước, dựa vào ba thuyết của các vị ở tông Tát-bà-đa. Một thuyết nói chỉ dùng Danh-Cú-Văn thân làm giáo Thể, bởi vì luận Phát Trí nói: “Mười hai bộ kinh lấy gì làm tánh? Đáp: Danh thân-Cú thân-Văn thân theo thứ tự...” Một thuyết nói bởi vì Thanh thiện vốn là giáo Thể của Phật, Danh... vô ký là tác dụng của giáo. Luận Bà-sa quyển 126 nói: “Giáo của Phật thế nào? Đáp: Đó là ngữ ngôn-từ xưng-bình luận-ngữ âm-ngữ lộ-ngữ biểu của Phật là Giáo của Phật, cho đến nói là ngữ nghiệp làm Thể. Phật nói pháp gì? Đáp: Đó là Danh thân-Cú thân-Văn thân, đưa ra theo thứ tự, sắp xếp theo thứ tự, nối liền nhau theo thứ tự, đây chính là tổng quát hiển bày về tác dụng thuộc giáo của Phật.” Giải thích: Người bình luận chính nghĩa âm thanh làm Thể, tông Kinh Bộ cũng lấy âm thanh làm tánh, vì vậy luận Thuận Chánh Lý thứ 14 phá bỏ Kinh Bộ rằng: “Ông không nên lập Danh-Cú-Văn thân tức là âm thanh làm Thể.” Lại Vô Tánh Nhiếp Luận phá bỏ luận ấy rằng: “Câu nói trong các kệ kinh là tự tánh vốn không hợp lý, bởi vì trước là Pháp xứ, sau là Thanh xứ.” Cũng lại dựa vào hai thuyết trước, các vị hợp lại chọn lấy để làm giáo Thể, còn lại như thuyết kia.

**Ngay tông Đại thừa có bốn câu:**

Một, thấu nhiếp Giả thuận theo Thật, chỉ là Thanh làm Thể, bởi vì Danh... dựa vào Thanh gập lại giả lập không có Thể riêng biệt. Vô Tánh Nhiếp luận nói: “Dựa vào hoàng thế nguyện lập ra thanh Bồ-tát.” Tạng Tập luận nói: “Do thành mà dẫn ra Thanh gọi là các Thánh nói.”

Hai, phân biệt Giả khác với Thật, dùng Danh... làm tánh. Duy Thức luận thứ hai nói: “Nếu Danh-Cú... không khác Thanh, thì cảnh của Pháp-Từ vô ngại lẽ ra không sai khác.

Ba, giả-thật kết hợp phân rõ, cũng là Thanh cũng là Danh... Kinh Duy Ma nói: “Có người dùng âm thanh ngữ ngôn văn tự mà làm Phật sự.” Trong Thập Địa luận nói: “Người nói dùng hai sự để nói, người nghe dùng hai sự để nghe, gọi là âm thanh danh tự.”

Hỏi: Theo tông này thì thanh biểu thị về thiện ác, thanh là vô ký, nhưng Danh-Cú-Văn là tự tánh vô ký, sao có thể vô ký là Thể của

Thánh giáo? Đáp: Nếu tâm hữu lậu biến đổi thì có thể là vô ký; nếu Hậu đắc trí của Phật Bồ-tát nói thì đều là thiện thâm nhiếp. Thập Địa luận nói: “Dựa vào việc gì? Đó là âm thanh và chữ thiện.”

Bốn, giả-thật cả hai không còn, không phải là thanh, không phải là danh, bởi vì tức là Không, nói tức là không có nói. Kinh Duy Ma nói: “Lìa tánh văn tự tức là giải thoát.” Trong Thập Địa luận, gió dụ cho âm thanh, nét vẽ dụ cho danh tự. Nếu gió lay động cây lá và nét vẽ trên vách thì ngay đó có thể chọn lấy; nếu gió giữa hư không và nét vẽ giữa hư không thì đều không thể chọn lấy. Thanh và danh của Đại thừa nên biết cũng như vậy, đều không thể chọn lấy bởi vì tướng không còn.

Bốn câu trên đây làm một giáo Thể, vì vậy Không-Hữu vô ngại gọi là pháp Đại thừa, nghĩa là Không chẳng khác Hữu, Hữu là huyền Hữu, huyền Hữu rõ ràng toàn Thể là Không; Hữu chẳng khác Không, Không là chân Không, chân Không trong suốt toàn Thể là Hữu. Vì vậy Không-Hữu chẳng mảy may phân biệt, cho nên kinh Phật Tạng nói: “Các pháp như mảy lông nhỏ bé không phải là Không thì chư Phật không xuất thế.” Lại văn sau nói: Các pháp chung quy là Không, không có tướng đầu mảy lông, như vậy không phải là một.

**2. Thông nhiếp sở thuyên môn:** Không những như trước chọn lấy giáo chủ động giải thích (năng thuyên), mà cũng dần dần bao gồm chọn lấy nghĩa thụ động giải thích (sở thuyên), bởi vì đều là pháp đã nhận biết-đã hiểu rõ. Du-già luận quyển 81 nói: “Thể của các kế kinh sơ lược có hai loại, một là Văn, hai là Nghĩa. Văn là thụ động dựa vào (sở y), nghĩa là chủ động dựa vào (năng y), hai loại như vậy gọi chung là tất cả cảnh giới đã nhận biết. Giải thích: Bởi vì nghĩa dựa vào văn mà được hiển bày.

**3. Biến cai chư pháp môn:** Nghĩa là tất cả các pháp đều là giáo Thể, môn này cũng có hai loại: Một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi. Bởi vì tất cả đều có thể làm cho chúng sinh mở mang giác ngộ. Như văn sau nói: Hoa tươi đẹp, đất quý báu, cây thơm ngát, lầu đài giữa mây, pháp giới, pháp môn không có gì không phải là Phật sự, như Bồ-tát Thắng Âm và hoa sen đã ngồi tức là bao gồm nhân-pháp, giáo-nghĩa, hạnh-vị, nhân-quả, lý-sự, toàn bộ có thể phát sinh giải hạnh thù thắng, cho nên đều là giáo Thể, dựa theo suy nghĩ có thể biết.

**4. Duyên khởi duy tâm môn:** Tất cả giáo pháp sai biệt trên đây không có loại nào không đều là chỉ do tâm mà hiện ra, cho nên đều dùng duy Thức làm Thể. Nhưng có hai nghĩa: Một là thân và bóng phù hợp với nhau, hai là nói và nghe hoàn toàn thâm nhiếp.

Trong nghĩa một bao gồm phân rõ các giáo tổng quát có bốn câu:

Một, chỉ có thân không có bóng, như Tiểu thừa giáo, bởi vì không có duy Thức biến hiện..., cho nên các Luận sư như Đạt-ma-đa-la... phần nhiều lập ra nghĩa này.

Hai, cũng là thân cũng là bóng, như Đại thừa Thủ giáo, ngoài tâm của chúng sinh, Phật có các pháp như sắc thanh vi diệu... Do lực tăng thượng duyên thuộc thiện căn của người nghe chạm vào những chủng tử Lợi tha của Phật làm nhân, ở trên trí Phật văn nghĩa phát sinh lẫn nhau làm bốn tánh của tướng giáo. Do lực tăng thượng duyên thuộc giáo này của Phật chạm vào chủng tử thiện căn hữu lậu vô lậu của người nghe pháp, trên Thức của người nghe văn nghĩa phát sinh lẫn nhau làm ảnh tượng của tướng giáo. Nhị Thập Duy Thức luận nói: “Lực tăng thượng lần lượt chuyển tiếp, quyết định thành tựu hai Thức.” Các Luận sư như Hộ Pháp... đều lập ra nghĩa này.

Ba, chỉ có bóng không có thân, như Đại thừa Chung giáo, lia tâm của chúng sinh, Phật quả không có sự tướng công đức như sắc thân-ngôn ngữ-âm thanh, chỉ có Như Như và trí Như Như, Đại Bi-Đại Nguyện làm tăng thượng duyên khiến cho căn đã giáo hóa ấy được thuần thực, trong tâm chúng sinh hiện rõ sắc thanh thuyết pháp của Phật, cho nên Thánh giáo chỉ là ảnh tượng của tâm chúng sinh. Vì vậy văn sau nói: Tất cả các Như Lai không có nói Phật pháp, tùy theo sự ứng hóa ấy để mà diễn nói pháp. Lại nói: “Pháp thân của Như Lai không thể nghĩ bàn, không có sắc-không có tướng, không có gì sánh bằng, thị hiện sắc tướng vì chúng sinh, mười phương được giáo hóa không có nơi nào không thấy, như vậy không phải là một. Các Luận sư như Long Quân-Kiên Tuệ... đều lập ra nghĩa này.

Bốn, không phải là thân không phải là bóng, như trong Đốn giáo, không phải là ngoài tâm thẳng thắn không có sắc... của Phật, Phật đã hiện rõ trong tâm chúng sinh cũng là tướng Không, bởi vì chỉ là Thức chứ không có bóng hình nào khác, tánh của sắc... lia xa không gì vốn có, tất cả không có nói, không có nói cũng không có, cho nên Thánh giáo tức là giáo của Vô giáo. Như kinh nói: “Như Lai không xuất thế, cũng không có Niết-bàn.” Lại kinh Thâm Mật trình bày Phật thường tại pháp giới, không có lúc nào không xuất thế... Các tông như Long Thọ... phần nhiều lập ra nghĩa này.

Bốn thuyết trước đây tổng hợp làm một giáo, viên dung vô ngại đều không gây trở ngại cho nhau, bởi vì đều là Thánh giáo từ cạn đến

sâu thâm nhiếp chúng sinh, suy nghĩ thì có thể thấy.

Nghĩa thứ hai là nói và nghe hoàn toàn thâm nhiếp, cũng có bốn câu:

Một, lìa ngoài tâm Phật không có chúng sinh đã giáo hóa, huống là giáo pháp đã nói. Vì thế cho nên chỉ là do tâm Phật mà hiện rõ, nghĩa này thế nào? Nghĩa là các chúng sinh không có tự Thể riêng biệt, thâm nhiếp vào Như Lai Tạng mà thành chúng sinh. Nhưng Như Lai Tạng này tức là trí chứng của Phật làm tự Thể, cho nên toàn Thể của chúng sinh chung quy là ở trong tâm trí Phật. Văn sau nói: Chư Phật nhận biết rõ ràng tất cả từ tâm mà chuyển. Lại nói: Trong thân Bồ-đề của Như Lai thấy rõ tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, thành tựu Đẳng Chánh Giác, cho đến thấy tất cả chúng sinh tịch diệt Niết-bàn cũng lại như vậy, thấy đều một tánh bởi vì vô tánh. Lại nói: Cõi Phật trong tất cả các kiếp thuộc ba đời và các pháp-các căn, tâm-tâm pháp, tất cả các pháp hư vọng, pháp này thấy đều hiện rõ ở trong một thân của Đức Phật. Lại Phật Tánh luận quyển thứ hai, phẩm Như Lai Tạng nói: “Tất cả chúng sinh đều ở trong trí Như Lai cho nên gọi là Tạng, bởi vì trí Như Như xứng với cảnh Như Như. Tất cả chúng sinh quyết định không có chúng sinh nào ra khỏi cảnh Như Như, đều bởi vì sự thâm nhiếp giữ gìn của Như Lai, cho nên gọi chúng sanh sở tạng là Như Lai Tạng”. Vì vậy lìa trí của tâm Phật không có một pháp nào có thể đạt được.

Hai, toàn bộ ở trong tâm chúng sinh, bởi vì lìa tâm chúng sinh không có Phật đức nào khác. Nghĩa này thế nào? Phật chứng chân như trong tâm chúng sinh mà thành Phật, cũng bởi vì Trí giác giống như Bản giác, cho nên toàn bộ ở trong tâm chúng sinh. Từ Thể khởi Dụng, lúc Ứng Hóa thân tức là Dụng chân như to lớn trong tâm chúng sinh lại không có Phật nào khác. Trong Khởi Tín luận trình bày nhiều về nghĩa này. Lại văn sau nói: Nếu người mong cầu biết tất cả chư Phật ba đời, thì nên quán như vậy, tâm tạo các Như Lai.

Ba, tùy theo một Thánh giáo toàn bộ chỉ có hai tâm, bởi vì hai câu trước nói không lìa xa nhau, nghĩa là Phật trong tâm chúng sinh nói pháp cho chúng sinh trong tâm Phật, chúng sinh trong tâm Phật nghe Phật trong tâm chúng sinh nói pháp. Như vậy hoàn toàn thâm nhiếp, nói-nghe vô ngại, đây gọi là đạo lý Duy Thức sâu xa.

Bốn, hoặc là Thánh giáo kia đều không phải là hai tâm, bởi vì hai tâm cùng đối chiếu làm mất đi không hề hiện rõ, cùng dung hợp hai phần vị không phần vị nào không mất đi. Nghĩa là chúng sinh trong tâm Phật không có người nghe, Phật trong tâm chúng sinh không có người

nói, cả hai cùng mất đi, hai tướng không còn. Kinh nói: “Người nói pháp không có giảng nói-không có chỉ bày, người nghe pháp ấy cũng không có nghe-không có đạt được.” Lại văn sau này nói: Do chúng sinh mà sinh không phải là sinh, cũng không có lưu chuyển trong sinh tử. Lại kinh nói: “Như Lai không nói pháp, cũng không độ chúng sinh...” Vì vậy bốn câu này đối với một Thánh giáo viên dung vô ngại, mới là đến nơi cuối cùng.

**5. Hội duyên nhập thật môn, cũng có hai nghĩa:** Một là dùng gốc thân ngọn, hai là hội tướng hiển tánh.

Trong nghĩa một, bởi vì các Thánh giáo đều từ Chân như phát ra, cho nên cùng với Chân tánh luôn luôn không khác, như biển nổi sóng không mất vị muối mặn. Trong luận gọi là Chân như phát ra mười hai phần giáo. Lại nói: Từ những pháp giới rất thanh tịnh, phát ra những giáo pháp. Vì vậy dùng gốc thân ngọn chỉ là Chân như.

Nghĩa thứ hai là hội tướng hiển tánh, nghĩa là tất cả giáo pháp sai biệt ấy đều là từ duyên khởi, từ duyên khởi cho nên chắc chắn không có tự tánh, bởi vì không có tự tánh tức là Chân như. Vì vậy tướng Không vốn là toàn bộ Chân tánh, cho nên vốn hiện rõ chỉ là Chân như. Kinh nói: “Tất cả các pháp tức là Như.” Lại văn sau nói: Pháp sinh diệt ấy là tướng Như Như.

**6. Lý sự vô ngại môn, cũng có hai nghĩa:** Một, tất cả giáo pháp toàn Thể là Chân như, không ngại sự tướng rõ ràng sai biệt; hai, Chân như toàn Thể là tất cả các pháp, không ngại một vị trong suốt bình đẳng. Nghĩa trước thì như sóng tức là nước không ngại tướng động, nghĩa sau thì như nước tức là sóng không mất đi Thể Ứt. Nên biết đạo lý trong này cũng như vậy, cho nên lý-sự dung hòa vô ngại chỉ là một pháp môn vô trú bất nhị. Trong kinh Duy Ma hiển bày nhiều về nghĩa này. Lại kinh này nói: “Biết không phải có là có, có là không phải có, không phải tướng là tướng, tướng là không phải tướng, bởi vì vốn là dùng không phải có làm có, cho nên có này tức là không phải có.” Thánh giáo dựa theo lý-sự vô ngại này, suy nghĩ có thể thấy rõ.

**7. Sự dung tương nhiếp môn, cũng có hai nghĩa:** Một là thuộc về nhau (Tương tại), hai là đúng như nhau (Tương thị).

*Trong nghĩa một là thuộc về nhau:* Một là một ở trong tất cả, nghĩa là như một giáo pháp không ngăn ngại thuộc về sự toàn là chân lý, chân lý khắp nơi trong tất cả sự khác giống như lý, giáo sự cũng như lý khắp nơi, cho nên trong tất cả các pháp luôn luôn có một này. Dựa vào nghĩa này cho nên không có một nơi nào như mảy trần vi tế..., không



có Phật thuyết giáo. Vì vậy kinh này nói: Trong tất cả cõi Phật như vi trần, Lô-xá-na hiện sức tự tại, thệ nguyện rộng lớn, phát ra âm thanh, điều phục tất cả các loại chúng sinh. Hai là tất cả ở trong một, nghĩa là không có phạm vi của lý, đã không đối tánh mà toàn là sự. Vì vậy một sự thâm nhiếp lý thủy đều cùng tận, sự khác như lý ở trong một sự, bởi vì lý không có phạm vi giới hạn, không thể phân chia, tùy theo ở một sự đều hoàn toàn thâm nhiếp, cho nên trong một luôn luôn có tất cả. Dựa vào nghĩa này, cho nên kinh này nói: Ở trong thế giới hải Liên Hoa Tạng trang nghiêm này, trong mỗi một vi trần thấy tất cả pháp giới. Lại nói: Ở trong một pháp hiểu rất nhiều pháp, trong rất nhiều pháp hiểu rõ một pháp.

*Nếu nói bao gồm đầy đủ thì có bốn câu phân biệt:* Một, một ở trong một, nghĩa là nói riêng biệt trong tất cả sự sai biệt, mỗi một sự đều có một pháp ấy. Hai, một ở trong tất cả, nghĩa là nói bao gồm tất cả đều có một. Ba, tất cả ở trong một, nghĩa là nói riêng biệt trong một thâm nhiếp tất cả. Bốn, tất cả ở trong tất cả, nghĩa là nói bao gồm tất cả đều có tất cả. Lại một này thường bao gồm một tất cả, tức là luôn luôn ở trong tất cả kia, đồng thời tự tại không có gì chướng ngại, không động một phương mà khắp cả mười phương..., đều là nghĩa này, suy nghĩ có thể thấy. Như vậy, tất cả pháp đều là giáo Thể, đều thâm nhiếp lẫn nhau, viên dung vô ngại, mới là Thể tánh của kinh giáo này.

*Nghĩa hai là đúng như nhau:* Một, một tức là tất cả, nghĩa là như một giáo, sự đã toàn là chân lý, chân lý tức là tất cả sự, cho nên một này tức là tất cả, tất cả tức là một, trái lại với trên nên biết. Kinh này nói: Nếu một tức là nhiều, nhiều tức là một, thì ý nghĩa rộng lặng thủy đều bình đẳng. Bao gồm cũng có bốn câu, dựa theo trước để suy nghĩ. Bởi vì sự toàn lý và lý toàn sự không phải một-không phải khác, do không phải là một môn cho nên có thể thuộc về nhau, do không phải là khác môn cho nên có thể đúng như nhau, suy nghĩ sâu xa có thể thấy. Dựa vào nghĩa này cho nên một câu tức là tất cả các câu mà không có cùng tận, tất cả cũng như vậy. Văn sau nói: Muốn diễn nói đầy đủ một câu pháp trải qua A-tăng-kỳ kiếp không có cùng tận, tự tại như vậy là giáo Thể này.

**8. Đế võng trùng trùng môn, cũng có hai nghĩa:** Trước là phân rõ về một môn, sau là tương tự hiển bày về tất cả.

Trong nghĩa trước, như trong một câu tức là đầy đủ tất cả, tất cả trong một này lại là một tức tất cả, lớp lớp như vậy đầy đủ tức là không thể cùng tận, toàn bộ là một câu.

Trong nghĩa sau là tương tự hiển bày, như một câu này, tất cả câu khác mỗi một câu đều như vậy. Vậy thì vô cùng vô tận, đầy đủ chỉ riêng Phổ Nhân đã nhận biết, không phải là cảnh giới suy nghĩ của tâm thức. Văn sau nói: Đối với mỗi một Tu-đa-la ấy phân biệt Bất khả thuyết các pháp, ở trong mỗi một các pháp ấy lại nói Bất khả thuyết các pháp. Lại nói: Như ở trong một vi trần nhỏ có bất khả thuyết các cõi Phật, ở trong mỗi một cõi Phật ấy lại có Bất khả thuyết cõi Phật. Giải thích: Lớp lớp như vậy, như mạng lưới Nhân-đà-la, đó gọi là giáo Thể viên tông của kinh này.

**9. Hải ấn bình hiện môn, cũng có hai nghĩa:** Một, dựa theo quả vị, như vô tận giáo pháp sai biệt trước đây, đều là trong định Hải Ấn của Như Lai đồng thời hiển hiện tròn sáng rực rỡ, thiết lập cơ đã giáo hóa cũng cùng duyên khởi hiện rõ ở trong này, cho nên chỉ lấy Tam-muội hải này làm giáo Thể ấy. Như văn sau nói: Tất cả thị hiện không có gì khác thế lực của Tam-muội Hải Ấn. Hai, dựa theo nhân vị, phải là các Đại Bồ-tát như Phổ Hiền... mới đạt được định này, giống như nghiệp dụng trước đây cũng không có sai biệt, cho nên Thập Tín đầy đủ ở trong phần vị Phổ Hiền cũng đạt được định này, nói như phẩm Phổ Hiền.

**10. Chủ bạn viên bị môn:** Nghĩa là giáo của pháp rộng khắp này không một mình khởi lên, nhất định phải có chủ-bạn sinh khởi theo nhau. Như văn sau nói: Đồng tử Phổ Trang Nghiêm nghe Đức Phật nói kinh Nhất Thiết Pháp Giới Vô Cấu Trang Nghiêm, có vi trần số thế giới Tu-đa-la để làm quyến thuộc. Các văn như vậy khắp nơi đều có. Kinh quyến thuộc này có hai nghĩa: Một là cùng loại, hai là khác loại.

Một là cùng loại, như nói Thập Trú mười phương đều có trần số Bồ-tát ở mười cõi đến chứng minh, cùng tên gọi Pháp Tuệ. Cõi Phật của chúng ta cũng nói Thập Trú, Đại chúng quyến thuộc Danh-Vị-Cú thân... không có gì khác nhau. Vì vậy nên biết một kinh Thập Trú khắp mười phương đều có trần số Tu-đa-la ở mười cõi... để làm quyến thuộc. Như một Thập Trú, tất cả nơi khác đã nói về Thập Trú đều thâm nhiếp bấy nhiêu trần số quyến thuộc. Thập Trú đã như vậy, còn lại Thập Hạnh..., mỗi một Phẩm-Hội đều có chứng pháp, số lượng dựa theo giải thích có thể biết.

Hai là khác loại, nghĩa là tùy theo một phương-một cõi vì một loại cơ mà nói một Hội pháp, đã không có kết thông mười phương cùng nói, cho nên không phải là kinh chủ, nhưng cũng làm phương tiện thù thắng cho chủ, cho nên làm quyến thuộc. Vì vậy kinh chủ nhất định phải có mười phương trần đạo đồng thời cùng nói. Kinh bạn thì không như vậy,

tùy theo phương khác nhau, cho nên mỗi một kinh chủ đều có trần số quyển thuộc, đó gọi là gốc-ngọn giúp đỡ lẫn nhau, chủ-bạn trọn vẹn đầy đủ, môn Giáo Thể xong.

Sáu- Trình bày về Tông chỉ thụ động giải thích. Lời nói đã biểu thị gọi là Tông, Tông chỉ đã quy về gọi là Thú. Nhưng tông thú của Đại kinh này khó phân rõ, sơ lược nói về mười thuyết để hiển bày một tông.

1. An Sư-Mẫn Sư... ở Giang Nam phần nhiều dùng nhân quả làm tông, nghĩa là trong kinh này mở rộng trình bày về nhân thuộc hạnh vị của Bồ-tát và hiển bày công đức thù thắng của Phật quả đã thành tựu. Văn sau đã nói không lia hai điều này, cho nên lấy làm tông.

2. Pháp sư Đại Viên lấy Tam-muội Hoa Nghiêm làm tông, nghĩa là hoa của nhân hạnh có thể trang nghiêm cho Phật quả.

Hai thuyết trên đây chỉ có được hạnh đức đã thành tựu mà mất pháp giới sở y ấy.

3. Theo Pháp sư Diễn lấy pháp giới vô ngại làm tông.

4. Theo Pháp sư Dụ, lấy tâm-cảnh pháp giới sâu xa làm tông, đó là phần nghĩa trong môn pháp giới làm cảnh, chư Phật chứng được mà thành Tịnh độ; pháp giới tức là nhất tâm, chư Phật chứng được mà thành Pháp thân. Vì vậy trong phẩm thứ nhất, ban đầu là Thiên Vương nói kệ ca ngợi pháp giới vi diệu bình đẳng vô tận thấy đều đầy khắp thân Như Lai, cuối cùng lại trình bày về phẩm Nhập Pháp Giới, cho nên biết chỉ dùng pháp giới làm tông.

Hai thuyết trên đây chỉ có được pháp giới sở y mà mất hạnh đức đã thành tựu.

5. Theo Pháp sư Quang Thống lấy nhân quả lý thật làm tông, tức nhân quả là hạnh đức đã thành tựu, lý thật là pháp giới sở y. Thuyết này tuy nghĩa đầy đủ nhưng hãy còn chưa hiển bày rõ ràng.

6. Nay tổng quát tìm tên gọi đối chiếu nghĩa, lấy nhân quả duyên khởi lý thật pháp giới để làm tông ấy, tức Đại Phương Quảng là lý thật pháp giới, Phật Hoa Nghiêm là nhân quả duyên khởi. Nhân quả duyên khởi chắc chắn không có tự tánh, bởi vì không có tự tánh tức là lý thật pháp giới. Pháp giới lý thật chắc chắn không có định tánh, bởi vì không có định tánh tức là thành nhân quả duyên khởi. Vì vậy hai pháp này không có hai, chỉ một pháp môn vô ngại tự tại, cho nên dùng làm tông.

7. Riêng biệt tách ra thù nhiếp pháp giới mà thành nhân quả, nghĩa là pháp giới Phổ Hiền làm nhân, pháp giới Xá-na làm quả, cho nên chỉ dùng pháp giới nhân quả mà làm tông thú. Trong đó phân biệt

có mười sự-năm cặp: Một, nhân quả đã tin, như trong Hội thứ nhất, trong phẩm Lô-xá-na, trước là trình bày về quả của thế giới Liên Hoa Tạng, sau là hiển bày về nhân trang nghiêm rộng khắp. Hai, nhân quả sai biệt, như Hội thứ hai đến phẩm Tiểu Tướng đã nói, trong đó 25 phẩm đầu nói về nhân sai biệt của năm phần vị, ba phẩm sau nói về quả sai biệt của ba đức. Ba, nhân quả bình đẳng, như phẩm Phổ Hiền nói về nhân bình đẳng trọn vẹn, phẩm Tánh Khởi nói về quả bình đẳng đầy đủ. Hai môn trên là nhân quả sinh giải. Bốn, nhân quả thành hạnh, như trong phẩm Ly Thế Gian, trong hai ngàn pháp hành thì trước trình bày về nhân hạnh, sau hiển bày về quả hạnh. Năm, nhân quả chứng nhập, như phẩm Nhập Pháp Giới, trước trong rừng Kỳ Hoàn hiện rõ quả tự tại, sau Đồng tử Thiện Tài phân rõ về nhân của chứng nhập.

Năm vòng nhân quả của một Bộ này xong. Vì vậy chỉ phân rõ về nhân quả mà không mất sở y, chỉ lấy nhân quả làm tông thì lý cũng không có gì sai.

8. Hội tụ nhân quả để giống với pháp giới. Pháp môn pháp giới sơ lược hiển bày về mười sự-năm cặp: Một, giáo-nghĩa đối lập với nhau, đưa ra giáo pháp đã nói này làm tông, ý hiển bày nghĩa lý đã giải thích làm thú; hoặc ngược lại với điều này, bởi vì phân rõ về nghĩa sâu xa-giáo thù thắng. Hai, lý-sự đối lập với nhau, đưa ra sự pháp làm tông, ý chọn lấy lý tánh làm thú; hoặc ngược lại với điều này, bởi vì dựa vào lý tánh mới thành sự. Ba, cảnh-trí đối lập với nhau, đưa ra cảnh sở quán, ý muốn khiến cho thành tựu hạnh trí quán; hoặc ngược lại với điều này, bởi vì khiến cho tu khởi trí chứng giống như chân cảnh. Bốn, hạnh-vị đối lập với nhau, đưa ra năm phần vị của sở y, ý khiến cho dựa vào đó tu thành tựu hạnh thù thắng; hoặc ngược lại với điều này, bởi vì tích lũy hành thành tựu phần vị. Năm, nhân quả đối lập với nhau, khuyến khích tu nhân ấy, ý thuộc về chứng quả; hoặc ngược lại với điều này, bởi vì đưa ra quả khuyến khích vui thích để tu nhân.

Năm cặp trên đây gồm chung một Bộ, khắp nơi đều có cho nên không thuộc về riêng biệt. Vì vậy chỉ phân rõ về pháp giới, không mất đi sự thành tựu, chỉ lấy pháp giới làm tông thì lý cũng không có gì trái.

9. Trong phần pháp giới nhân quả hiển bày rõ ràng lẫn nhau, cũng có mười nghĩa-năm môn: Một, vô đẳng cảnh, tức là giới lý thật pháp giới, môn này có hai phần vị: Một là pháp giới tối tịnh ra khỏi ràng buộc, hai là pháp giới tánh tịnh còn trong ràng buộc, hai phần vị này là đã tin đã chứng. Hai, vô đẳng tâm, môn này cũng có hai nghĩa: Một là tâm Đại Bồ-đề vốn là sở y căn bản của hạnh Phổ Hiền, hai là Tín-Bi-

Trí... bởi vì tùy theo hạnh phát khởi. Ba, vô đẳng hạnh, môn này cũng có hai nghĩa: Một là hạnh sai biệt bởi vì tu khác nhau, hai là hạnh Phổ Hiền bởi vì một tức là tất cả. Bốn, vô đẳng vị, môn này cũng có hai nghĩa: Một là phần vị sai biệt về thực hành trái rộng (hành bố) bởi vì dựa vào chứng không giống nhau, hai là phần vị thâm nhiếp nhau viên dung bởi vì một phần vị tức là đầy đủ tất cả phần vị. Năm, vô đẳng quả, môn này cũng có hai nghĩa: Một là tu sinh ra quả, hai là tu hiển bày quả.

Năm môn mười nghĩa này thu nhận tất cả tóm lược hết một bộ kinh này, vì vậy có đủ để làm tông, nghĩa cũng đầy đủ rồi.

10. Pháp giới nhân quả cả hai dung hòa cùng lìa xa. Nghĩa là tánh tướng dung hợp vô ngại tự tại, cũng có mười nghĩa: Một, bởi vì lìa tướng, nhân quả không khác pháp giới, tức là nhân quả không phải là nhân quả. Hai, bởi vì lìa tánh, pháp giới không khác nhân quả, tức là pháp giới không phải là pháp giới. Ba, bởi vì lìa tánh mà không mất tánh, pháp giới tức là nhân quả, lấy không phải pháp giới làm pháp giới. Bốn, bởi vì lìa tướng mà không hoại tướng, nhân quả tức là pháp giới, lấy không phải nhân quả làm nhân quả. Năm, bởi vì lìa tướng không khác lìa tánh, nhân quả pháp giới cả hai phai mờ cùng dung hợp, trở lại vượt lên trên nói năng suy nghĩ. Sáu, bởi vì không hoại-không khác-không mất, nhân quả pháp giới cùng tồn tại hiện rõ trước mắt, rõ ràng có thể thấy. Bảy, bởi vì còn-mất trên đây lại không khác, vượt lên trên pháp của nghe-nhìn, luôn luôn nối thông với thấy-nghe, bất dứt nghĩa của nghĩ bàn mà không làm trở ngại lời nói ý nghĩ. Tám, bởi vì tánh pháp giới dung hợp không thể phân ra, tức là quả của pháp giới thâm nhiếp tất cả pháp giới, không có gì không đều cùng tận, nhân tùy theo sở y cũng ở trong quả, cho nên trong Phật có Bồ-tát. Chín, tức là nhân của pháp giới thâm nhiếp nghĩa cũng như vậy, cho nên trong Phổ Hiền có Phật. Mười, hai phần vị nhân quả đều tùy theo sai biệt, mỗi một pháp-mỗi một hạnh-mỗi một đức-mỗi một phần vị đều thâm nhiếp toàn bộ các pháp môn hải vô tận vô tận, bởi vì tất cả đều thâm nhiếp đầy đủ pháp giới viên dung. Đây gọi là tông thú vô tận của Hoa Nghiêm, nghĩa còn lại như Chỉ Quy... giải thích.

Bảy- Giải thích đầy đủ đề mục của kinh. Sơ lược giải thích mười tên gọi: 1) Tên gọi về Số; 2) Tên gọi về Pháp; 3) Tên gọi về Dụ; 4) Tên gọi về Nghĩa; 5) Tên gọi về Đức; 6) Tên gọi về Sự; 7) Tên gọi về Khai; 8) Tên gọi về Cụ; 9) Tên gọi về Hợp; 10) Tên gọi về Phẩm.

1. Tên gọi về Số: Theo Lương Nhiếp Luận thứ mười là Thắng Tướng nói: “Kinh Bách Thiên, là kinh Hoa Nghiêm có mười vạn bài

tụng, gọi là kinh Bách Thiên.” Đây tức là từ số vốn có mà lập thành tên gọi ấy.

2. Tên gọi về Pháp: Theo phẩm Chúc Lụy trong Trí Độ luận nói: “Gọi là kinh Bất Tư Nghị Giải Thoát, có mười vạn bài kệ. Lại trong kinh ấy tự chỉ là Hoa Nghiêm, bởi vì pháp mà kinh này đã nói đều là một thân nhiếp tất cả, tất cả đều là giải thoát bất tư nghị, cho nên lấy làm tên gọi.”

3. Tên gọi về Dụ: Theo kinh Niết Bàn và kinh Quán Phật Tam Muội, gọi kinh này là kinh Tạp Hoa, dùng vạn hạnh tô điểm xen nhau, duyên khởi quy tụ mà thành, từ dụ nêu ra tên gọi, giống như tạp hoa mà thôi.

4. Tên gọi về Nghĩa: Như mười nghĩa xuất sinh Bồ-tát thâm diệu nghĩa hoa... ở phẩm Ly Thế Gian sau này để lập thành tên gọi, đến phẩm ấy sẽ phân rõ.

5. Tên gọi về Đức: Như cuối phẩm Tánh Khởi dựa vào mười công đức thù thắng để lập thành tên gọi ấy, cũng đến phẩm ấy sẽ giải thích.

6. Tên gọi về Sự: Gọi là Hoa Nghiêm, tiếng Phạm gọi là Kiện-nã-phiêu-ha, Kiện-nã gọi là Tạp Hoa, Phiêu-ha gọi là Nghiêm Sức. Tam tạng Nhật Chiếu nói rằng: “Tây quốc có riêng một đồ vật cúng dường, gọi là Phiêu-ha, dáng hình vật ấy có sáu tầng, dưới rộng trên hẹp, trang sức bằng hoa quý báu, trong mỗi một tầng đều đặt tượng Phật.” Bởi vì kinh này có sáu phần vị trùng điệp, mỗi một phần vị thành Phật đích thực tương tự sự việc ấy, cho nên lập thành tên gọi này, trời người tám Hội cũng tựa như thế nên biết.

7. Tên gọi về Khai: Một tên gọi này khai ra làm mười sự-năm cặp: Một, thông-biệt một cặp, nói Đại Phương Quảng... là tên chung của một Bộ, Thế Gian Tịnh Nhân là đề mục riêng của phẩm ấy. Hai, ngay một cặp giáo-nghĩa trong Thông, nói Đại... là nghĩa sở thuyết, một chữ Kinh là giáo năng thuyết. Ba, ngay một cặp pháp-dụ trong nghĩa, nói Đại... là pháp, Hoa Nghiêm là dụ. Bốn, ngay cảnh-trí một cặp trong pháp, nói Đại... là sở chứng-sở giác, Phật là năng chứng-năng giác, cũng là nhân-pháp một cặp. Năm, ngay giản-trì một cặp trong cảnh, nói chữ Đại là chủ động lựa chọn(năng giản), Phương Quảng là thụ động lựa chọn(sở giản), tức là lựa chọn Đại khác Tiểu, lựa chọn Thật khác Quyền, lựa chọn Quả khác Nhân.

8. Tên gọi về Cụ: Đại có mười nghĩa: Một-Cảnh Đại, đó là mười Liên Hoa Tạng và Y-Chánh vô biên, ba nghiệp của mười Phật làm cảnh của Tín, nói như Hội thứ nhất... Hai- Tâm Đại, đó là dựa vào Đại cảnh

trước đây phát khởi Đại tâm, nói như phẩm Hiền Thủ và phẩm Phát Tâm. Ba- Hạnh Đại, đó là dựa vào Đại tâm phát khởi Đại hạnh, nói như phẩm Ly Thế Gian... Bốn- Vị Đại, đó là tích lũy Đại hạnh thành tựu Đại vị, tức là năm phần vị viên thông..., như Hội thứ hai đến Hội thứ sáu đã nói. Năm- Nhân Đại, đó là hành vị tròn vẹn rộng khắp phát sinh hiểu biết đến cuối cùng, nói như phẩm Phổ Hiền... Sáu- Quả Đại, đó là tự Thể tùy duyên quả đức tròn vẹn sáng ngời, nói như phẩm Bất Tư Nghị... Bảy- Thể Đại, đó là Đại Dụng bình đẳng đều cùng chung chân tánh, nói như phẩm Tánh Khởi... Tám- Dụng Đại, đó là niệm niệm lợi ích chúng sinh nhanh chóng thành tựu hạnh vị, nói như phẩm Tiểu Tướng... Chín- Giáo Đại, đó là mỗi một Danh-Cú đều rộng khắp tất cả, nói như kết luận nói thông... ở văn sau. Mười- Nghĩa Đại, đó là pháp đã giải thích đều tận cùng vô biên pháp giới, như tám Hội đều nói một mảy trần chứa đủ mười phương, một niệm bao gồm chín đời.

Mười nghĩa trên đây mỗi một nghĩa thâm nhiếp chung tất cả các pháp, toàn bộ không có gì không xứng với Đại.

Lại có bảy nghĩa, như Du-già... dùng bảy loại Đại tánh tương ứng..., để giải thích về nghĩa của Đại.

Nhưng theo kinh Niết-bàn lại có ba nghĩa giải thích về Đại. Kinh nói: “Nói về Đại thì gọi đó là Thường.” Lại nói: “Đại là tánh ấy rộng lớn.” Lại nói: “Có thể kiến lập về nghĩa Đại gọi là Đại Niết-bàn.”

Lại Khởi Tín luận cũng dùng ba nghĩa để giải thích về Đại, đó là Thể-Tướng-Dụng...

Tiếp đến giải thích về Phương Quảng, cũng có mười nghĩa: Một-Nghĩa về Châu biến, đó là ngôn giáo rộng khắp các phương. Hai- Nghĩa về Phổ thuyết, đó là tuyên thuyết rộng rãi tất cả các pháp. Ba- Nghĩa về Thâm thuyết, đó là nói về pháp giới hải rất sâu xa. Bốn- Nghĩa về Bị nhiếp, đó là thâm nhiếp rộng khắp vô tận chúng sinh giới. Năm- Nghĩa về Quảng ích, đó là muốn khiến cho chúng sinh đạt được lợi lạc to lớn của Phật Bồ-đề. Sáu- Nghĩa về Đãng trừ, đó là loại trừ tất cả hai chướng và tập khí. Bảy- Nghĩa về Cụ đức, đó là thâm nhiếp đầy đủ các công đức thù thắng vô biên. Tám- Nghĩa về Siêu thắng, đó là một mình siêu việt không có gì sánh được. Chín- Nghĩa về Hàm nhiếp, đó là thâm nhiếp tất cả rất nhiều pháp khác chủng loại. Mười- Nghĩa về Quảng xuất, đó là có thể sinh ra Đại quả của Phật.

Nhưng mười nghĩa này như hai luận giải thích. Nhập Đại Thừa luận giải thích: “Một là bởi vì chúng sinh mà nói về pháp đối trị, hai là có rất nhiều Thừa, ba là nhiều đồ vật trang nghiêm, bốn là có thể phát

sinh vô lượng Đại quả, năm là trừ hết tất cả các tà kiến, gọi là Tỳ Phật Lực.”

**Lại Tập Tập luận giải thích:** “Phương Quảng, nghĩa là Bồ-tát tạng tương ứng với ngôn thuyết, gọi là Phương Quảng, là nơi nương tựa làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, tuyên thuyết về pháp sâu xa rộng lớn; cũng gọi là Quảng Phá, bởi vì có thể rộng ra phá trừ tất cả các chướng; cũng gọi là Vô Tỷ Pháp, bởi vì không có các pháp có thể so sánh tương tự.”

Tiếp theo giải thích về nghĩa Phật, cũng có mười loại, như Vô Trước Phật..., tìm văn vốn có phân rõ.

Tiếp theo giải thích về Hoa Nghiêm.

Hỏi: Hoa có mấy nghĩa, lại vì sao mà biểu thị lấy hoa để trang nghiêm?

Đáp: Hoa có mười nghĩa, biểu thị cũng như vậy: Một, nghĩa về vi diệu là nghĩa của hoa, biểu thị hạnh đức của Phật là xa tướng thô, cho nên nói Hoa làm trang nghiêm, nghĩa sau đều theo như vậy. Hai, nghĩa về nở tròn, biểu thị hạnh đầy đủ sáng ngời, tánh mở mang giác ngộ. Ba, nghĩa về đoan chánh, biểu thị hạnh viên mãn, đức tướng đầy đủ. Bốn, nghĩa về thơm ngát, biểu thị hương thơm của đức xông ướp khắp nơi làm lợi ích cho mình và người. Năm, nghĩa về vui thích, biểu thị vui với công đức thù thắng hoan hỷ không chán. Sáu, nghĩa về khéo thành, biểu thị đức tướng đã tu khéo léo thành tựu. Bảy, nghĩa về trong sáng, biểu thị đoạn trừ chướng vẩn viển không còn, vô cùng thanh tịnh. Tám, nghĩa về trang sức, biểu thị bởi vì Liễu nhân vốn trang nghiêm cho bốn tánh. Chín, nghĩa về dẫn quả, biểu thị bởi vì Sinh nhân vốn phát khởi Phật quả. Mười, nghĩa về không nhiễm, biểu thị ở giữa thế gian mà không nhiễm, bởi vì giống như hoa sen.

Tiếp theo giải thích chữ Kinh, cũng có mười nghĩa, như kinh Bảo Vân nói, nghĩa còn lại giống như trên.

9. Tên gọi về Hợp: Đại tức là đương Thể làm đề mục, bao hàm làm nghĩa. Phương tức là dựa vào Dụng làm tên gọi, quỹ phạm làm nghĩa bởi vì là phương pháp, tánh là tà vạy bởi vì là chính trực, có thể chữa trị chướng nặng bởi vì là phương thuốc chữa bệnh, rộng khắp cõi hư không bởi vì không còn phương hướng nơi chốn. Quảng tức là Thể-Dụng hợp lại trình bày, rộng khắp làm nghĩa, đó là tất cả mọi nơi-tất cả mọi lúc-tất cả các pháp-tất cả mọi người không có gì không rộng khắp, đều lớp lớp như lưới giăng của Đế Thích.

Trong này lại dựa vào một thân nhiếp tất cả gọi là Đại, một phủ



khấp tất cả gọi là Quảng; trước Quảng sau Đại, lý cũng không trái. Phương tức là Quảng, Đại tức là Phương Quảng, đều là Trì nghiệp thích, đây là pháp thụ động đạt được (sở đắc), Phật là người chủ động đạt được (năng đắc), giác chiếu làm danh, quả mãn làm nghĩa.

Trong này, nhân-pháp và cảnh-trí có dựa vào nhau-tức là nhau (tương y-tương tức). Dựa vào nhau: Trí dựa vào cảnh cho nên Phật của Phương Quảng lựa chọn Phật thuộc Thừa dưới, cảnh dựa vào trí cho nên Phương Quảng của Phật lựa chọn pháp thuộc nhân vị, hai loại dựa vào nhau này đều có bốn câu phân biệt về duyên khởi hữu lực vô lực, suy nghĩ có thể thấy, đều là Y chủ thích. Tức là nhau: Phật tức là Phương Quảng, Phương Quảng tức là Phật, nhân pháp vô ngại toàn Thể tức là nhau, bốn câu phân biệt về Không-Hữu cũng dựa theo suy nghĩ. Đây chỉ là Trì nghiệp thích. Đã là Phật không phải thuộc Thừa dưới, pháp vượt lên trên nhân vị, quả đức khó làm sáng tỏ, nhờ vào dụ mới hiển bày, nghĩa là vạn đức đến cuối cùng khắc chạm đẹp đẽ giống như hoa, đan xen trang điểm lẫn nhau hiển bày tánh xứng với nghiêm. Phần này có hai môn: Một là các đức trang nghiêm lẫn nhau, cũng có dựa vào nhau- tức là nhau, đều có bốn câu phân biệt về còn mất cùng phai mờ (tồn vong câu mãn), đều là Trì nghiệp thích, suy nghĩ có thể thấy. Hai là lý-hạnh trang nghiêm lẫn nhau, cũng có dựa vào nhau-tức là nhau.

Bốn câu phân biệt về dựa vào nhau (tương y): Một, lý nhờ vào tu mà hiển bày, cho nên tức là tánh thuộc hành Hoa Nghiêm. Hai, hành thuận theo lý phát khởi, cho nên tức là hành thuộc lý Hoa Nghiêm. Lương Nhiếp luận nói: “Tất cả đều từ Pháp thân này phát ra, tất cả đều trở lại chứng Pháp thân này.” Ba, lý-hành cùng dung hợp không hai mà hai, không phải là hành của Chân phát ra thì không thể hợp với Chân, không phải là hành trang điểm của Chân thì không thuận theo Chân phát khởi. Bởi vì Thể dung hợp với hành mà nhân tròn vẹn, hành bao gồm Chân mà quả đầy đủ, cho nên nêu là Phật Hoa Nghiêm. Bốn, lý-hành cùng phai mờ hai mà không hai, bởi vì hành của lý cho nên không phải là hành, lý của hành cho nên không phải là lý, là ngay nơi chủ động và thụ động (năng-sở) cùng phai mờ, vượt quá tình-lìa xa tướng, không phải là trang nghiêm-không phải là không trang nghiêm, đây gọi là Hoa Nghiêm.

Bốn câu phân biệt về tức là nhau (tương tức), lý-hành hoàn toàn thâm nhiếp, dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Vậy thì biết pháp-dụ chiếu rọi qua lại rõ ràng có tồn tại, còn lại như trước giải thích.

10. Tên gọi về Phẩm: Thế Gian là pháp, Tịnh Nhân là dụ; Thế là

thời kiếp, Gian là ở giữa, ở giữa thời kiếp hiển hiện cho nên nói là Thế Gian.

*Thế Gian không giống nhau có ba loại:* Một là Khí thể gian, là nơi nương tựa; hai là Trí chánh giác thế gian, là chủ có thể giáo hóa (năng hóa); ba là Chúng sinh thế gian là cơ đã được giáo hóa (sở hóa). Trong phẩm này không vượt qua ba loại này, cho nên lập thành tên gọi này. Khí có hai loại: Một, nơi chốn là Biệt xứ; hai, Hoa Tạng là Thông xứ. Trí chánh giác cũng có hai, đó là ba thân và mười thân. Chúng sinh cũng có hai, đó là đồng sinh và dị sinh.

*Tịnh Nhãn có ba nghĩa:* Một là nghĩa thấu suốt, ví như Khí thể gian, bởi vì thấu suốt lý bên trong. Văn sau nói: Pháp giới không thể hoại Liên Hoa thế giới hải. Hai là nghĩa hiện tượng, ví như Trí chánh giác. Văn sau nói: Pháp thân thanh tịnh không có hình tượng nào mà không hiện bày. Ba là nghĩa chiếu rọi, ví như Chúng sinh thế gian. Văn sau nói: Giống như mắt trong sáng nhìn ngọc sáng ngời. Lại nếu luận chung thì ba thế gian này đều có ba nghĩa về Tịnh Nhãn, suy nghĩ theo đó có thể biết.

Lại giải thích lúc Đức Phật chưa xuất thế, bởi vì không có người khéo léo dẫn dắt, cho nên như mù. Như Lai bắt đầu xuất hiện ở thế gian, thì mắt trong sáng hiện rõ gọi là mắt trong sáng của thế gian, vì vậy lúc Đức Phật nhập Niết-bàn nói là mắt của thế gian không còn. Phẩm là chủng loại, là riêng biệt. Nghĩa còn lại có thể biết.

*Tám-Trình bày về Bộ loại truyền dịch. Cũng có mười nghĩa:* 1) Hằng bốn; 2) Đại bốn; 3) Thượng bốn; 4) Trung bốn; 5) Hạ bốn; 6) Lược bốn; 7) Luận thích; 8) Phiên dịch; 9) Chi lưu; 10) Cảm ứng.

1. Hằng bốn. Phẩm Bất Tư Nghị ở sau nói: Tất cả thế giới như pháp giới, hư không giới... đều dùng một mảy lông đo lường rộng khắp, nơi mỗi một đầu lông ở trong niệm niệm, thân như số vi trần Bất khả thuyết... tận cùng đời kiếp thời gian vị lai thường chuyển pháp luân. Giải thích: Đây là gồm chung thế giới khác loại như hình thể cây cối..., tất cả nơi mảy lông trong niệm niệm thường nói, không có ngừng nghỉ, điều này không phải là có thể kết tập, không thể nào hạn định phẩm ấy bao nhiêu tụng, cũng không phải là phần vị dưới mà có thể thọ trì.

2. Đại bốn. Như phẩm sau nói: Tỳ-kheo Hải Vân đã thọ trì kinh Phổ Nhãn, dùng núi Tu-di làm bút, nước bốn biển làm mực, viết một phẩm Tu-đa-la không thể nào cùng tận, các phẩm như vậy lại hơn trần số. Đây là do lực Đà-la-ni của các Đại Bồ-tát đã thọ trì, cũng không phải là Bối diệp mà có thể ghi chép được.

3. Thượng bản. Đây là Thượng bản trong văn kết tập. Vốn là ở Tây Vực truyền cho nhau, Bồ-tát Long Thọ đến Long cung trông thấy kinh Đại Bất Tư Nghị Giải Thoát có ba bản, Thượng bản có mười Tam thiên Đại thiên thể giới vi trần số bài tụng, Tứ thiên hạ vi trần số phẩm.

4. Trung bản. Có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm.

Hai bản trên đây đều giữ kín ở Long cung, không phải là do sức người ở Diêm-phù-đề mà thọ trì, cho nên ở đây không lưu truyền.

5. Hạ bản. Có mười vạn bài tụng, ba mươi tám phẩm. Long Thọ đem bản này ra, hiện lưu truyền ở Thiên Trúc, tức là Nhiếp Luận trăm ngàn làm mười vạn. Tây Vực Ký nói: “Trong núi của nước Giá-câu-bàn ở phía Nam nước Vu Điền vốn có bản này.”

6. Lược bản. Tức là bản có sáu mươi quyển đã lưu truyền ở Trung Hoa, là ba vạn sáu ngàn bài tụng tóm tắt nội dung chủ yếu của phần trước trong mười vạn bài tụng ấy mà đưa ra. Gần đây trên tháp ở chùa Đại Từ Ân thấy Hoa Nghiêm bốn chữ Phạm có ba bộ, so sánh sơ lược đều rất giống với bốn chữ Hán này, số bài tụng cũng tương tự.

7. Luận thích. Long Thọ đã đem Hạ bản ra dựa vào đó soạn luận Đại Bất Tư Nghị, cũng dùng mười vạn bài tụng để giải thích kinh này, luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa ngày nay là một phần của luận ấy.

Thời nhà Tần, Tam tạng Gia-xá tụng đưa ra phiên dịch, văn quyển mười sáu mới đến Địa thứ hai, còn lại đều không đủ. Lại Bồ-tát Thế Thân soạn ra Thập Địa luận, chỉ giải thích về một phẩm Thập Địa. Thời nhà Ngụy, Tam tạng Lạc-na và Bồ-đề Lưu-chi ở Lạc Dương đều phiên dịch một bản. Luật sư Quang Thống tự mình hiểu văn tiếng Phạm đem bản của hai Tam tạng đối chiếu điều chỉnh cùng hợp lại làm thành một bản, thấy lưu truyền bản này. Bồ-tát Kim Cang Quân và Bồ-tát Kiên Tuệ đều soạn ra giải thích về Thập Địa, hoàn toàn chưa truyền đến Trung Hoa. Lại thời nhà Ngụy, Cao tăng Trung Hoa là Pháp sư Linh Biện, ở núi Ngũ Đài đầu đội kinh Hoa Nghiêm, đi bằng đầu gối, chân toạc máu chảy, thiết tha trải qua ba năm ngâm được gia hộ mà hiểu rõ, ở trong núi Huyền Ung soạn ra luận về kinh này hơn một trăm quyển, lúc ấy lưu truyền ở đời. Về sau nhà vua có sắc chỉ thỉnh Pháp sư vào cung ở điện Thứ Càn giảng về Đại kinh này.

8. Phiên dịch. Thời nhà Đông Tấn, Sa-môn Chi Pháp Lãnh từ nước Vu Điền có được ba vạn sáu ngàn kệ của kinh này, và thỉnh được Thiên sư Bồ-tát chứng Tam quả Đại thừa người Bắc Thiên Trúc tên gọi Phật-đà Bạt-đà-la, Trung Hoa nói là Giác Hiền, giòng họ Thích-ca, tức

là dòng dõi của Cam Lộ Phạm Vương, từng đến cõi trời Đâu-suất tìm gặp Di-lặc thưa hỏi điều nghi. Vào ngày mồng 10 tháng 3 năm Thuận Hỏa niên hiệu Nghĩa Hy thứ 14 nhà Tấn, ở tại chùa Tạ Tư Không thuộc Dương Châu, tách biệt làm ra ngôi nhà Hộ Tịnh Pháp, ở trong đó dịch ra kinh này. Lúc ấy trước ngôi nhà có một hồ hoa sen, hàng ngày có hai Đồng tử áo xanh, từ trong hồ đi ra vẩy nước quét dọn ngôi nhà và cúng dường, chiều trở về trong hồ. Tương truyền giải thích rằng: “Bởi vì kinh này đã lâu ở Long cung, Long Vương vui mừng vì kinh này truyền bá lưu thông, cho nên tự mình đến hầu hạ cúng dường, sau nhân đó đổi tên chùa này gọi là chùa Hưng Nghiêm.” Sa-môn Pháp Nghiệp và Tuệ Nghiêm-Tuệ Quán... tự mình đi theo ghi lại. Lúc ấy có Nội sử Mạnh Nghi-Hữu vệ tướng quân Chử Thúc Độ... ở quận Ngô làm Đoàn viết chính. Đến ngày mồng 10 tháng 6 niên hiệu Nguyên Hy thứ hai thì dịch xong. Đến ngày 20 tháng 12 niên hiệu Vĩnh Sơ thứ hai thời Đại Tống, cùng với bốn tiếng Phạm tiếp tục khảo đính tất cả, ở trong phẩm Pháp Giới từ sau Phu nhân Ma-da đến trước Bồ-tát Di-lặc đã thiếu tám-chín tờ văn kinh. Nay trong tháng 3 niên hiệu Vĩnh Long nguyên niên thời Đại Đường, có Tam tạng Địa-bà-ha-la ở Thiên Trúc, thời Đường nói là Nhật Chiêu, có bốn tiếng Phạm một phẩm này, Pháp Tạng đích thân cùng khảo đính đến phần văn thiếu này, phụng sắc chỉ cùng với Sa-môn Đạo Thành-Phục Lễ... dịch ra để bổ sung vào chỗ thiếu.

9. Chi lưu. Đó là Đại kinh này tùy theo sức thọ trì mà phân thành nhiều bộ: Kinh Đâu Sa một quyển là đầu Hội thứ hai; kinh Bồ Tát Bốn Nghiệp một quyển là một phẩm Tịnh Hạnh; kinh Tiểu Thập Trú một quyển là phẩm Thập Trú; kinh Đại Thập Trú bốn quyển, kinh Tiệm Bị Nhất Thiết Trí Đức bốn quyển, đều là phẩm Thập Địa; kinh Như Lai Tánh Khởi Vi Mật Tạng hai quyển là phẩm Tánh Khởi; kinh Hiển Vô Biên Phật Độ một quyển là phẩm Thọ Mạng; kinh Độ Thế sáu quyển là phẩm Ly Thế Gian; kinh La Ma Già ba quyển là phẩm Nhập Pháp Giới.

Gần đây ở Thần Đô cùng với Tam tạng nước Vu Điền phiên dịch Hoa Nghiêm Tu Từ Phần một quyển, Bát Tư Nghị Cảnh Giới Phần một quyển, Kim Cang Man Phần mười quyển. Phần này phiên dịch chưa thành thì Tam tạng đã mất, nay hiện ở Thần Đô lại có được bốn Hoa Nghiêm năm vạn bài tụng do nước Vu Điền tiến cống và Tam tạng đến Thần Đô hiện đang phiên dịch. Bốn tiếng Phạm ở chùa Từ Ân cùng với bốn Hán trước đây đều giống nhau không có gì khác, phẩm hội và văn cú của bốn Phạm mới đưa đến có phần ít không giống nhau. Trình bày

về số bốn của Đại kinh này, đây đều là sự lưu thông (chi lưu) Đại kinh tùy theo căn khí mà phân ra phẩm loại.

10. Cảm ứng. Vua nhà Tống thỉnh Tam tạng từ Tây Vực đến để giảng kinh này, người ấy tiếc rằng bởi vì tiếng địa phương chưa thông hiểu, e là nói không hết ý chỉ của kinh, thế là vào đạo tràng cầu thỉnh, mới tròn một tuần liền mộng thấy lấy đầu Hán đổi đầu Phạm của mình, nhờ đó lập tức hiểu suốt ngôn ngữ nước Tống giảng giải truyền thụ không vướng mắc.

Lại vị Ni ở núi Cửu Lũng kính trọng kinh này, chuyên cần đọc tụng hơn hai mươi năm, liền cảm được mắt nhìn thấy sát hải ở trên đầu mây lông.

Lại có vị Ni ở núi Ngũ Đài thường tụng kinh này, từ tối đến sáng thì hết một bộ, trong miệng có ánh sáng phát ra chiếu rọi khắp hang núi.

Lại ở thời Bắc Tề có Pháp sư Cự, sùng kính tôn trọng kinh này mà không gặp được thầy, chuyên đọc cầu hiểu, hơn mười lăm năm thì mộng thấy Thiện Tài trao cho thuốc thông minh, nhờ đó mà được tỏ ngộ thông suốt, soạn ra Sớ mười quyển, giảng hơn năm mươi lần.

Lại có Thiên sư Tu Đức ở Trung Sơn thuộc Định Châu, chí thành giữ gìn thanh tịnh sao chép kinh này, sau mở hộp có ánh sáng phát ra chiếu xa một trăm hai mươi dặm.

Lại có hoạn quan là Lưu Khiêm Chi nhân ở trong núi Ngũ Đài chuyên đọc kinh này, liền trở lại hình tướng trượng phu.

Những sự việc như vậy rất nhiều, nói rộng ra đầy đủ như trong truyện Hoa Nghiêm năm quyển.

Chín- Phân rõ về phạm vi của văn nghĩa. Nhưng biển nghĩa sâu thẳm bao la, ngôn ngữ tinh tế mênh mông, sơ lược đưa ra mười môn tóm tắt về cương yếu ấy: 1) Đồng thời cụ túc tương ứng môn; 2) Quảng hiệp tự tại vô ngại môn; 3) Nhất đa tương dung bất đồng môn; 4) Chư pháp tương tức tự tại môn; 5) Ẩn mật hiển liễu câu thành môn; 6) Vi tế tương dung an lập môn; 7) Nhân-đà-la võng pháp giới môn; 8) Thác sự hiển pháp sinh giải môn; 9) Thập thế cách pháp dị thành môn; 10) Chủ bạn viên minh cụ đức môn. Nhưng mười môn này cùng một duyên khởi vô ngại viên dung, hễ có một môn thì đầy đủ tất cả, thích hợp có thể suy nghĩ.

Ngay trong môn thứ nhất có mười nghĩa về đầy đủ (cụ túc): Một, giáo nghĩa đầy đủ; hai, lý sự; ba, cảnh trí; bốn, hạnh vị; năm, nhân quả; sáu, y chánh; bảy, Thể dụng; tám, nhân pháp; chín, nghịch thuận; mười,

ứng cảm đầy đủ. Nghĩa là chúng sanh cơ cảm Như Lai ứng đến. Văn sau nói: Tất cả chúng sanh vốn thích thị hiện mây. Nhưng mười cặp này đồng thời tương ứng là một duyên khởi, tùy một đều đầy đủ tất cả nghĩa khác. Như môn 1 đã như vậy, chín môn còn lại như rộng-hẹp..., tất cả đều đầy đủ mười cặp trước, chỉ tùy theo môn khác nhau mà thôi. Vì vậy trong mỗi một môn đều có mười-trăm-ngàn..., suy nghĩ có thể thấy.

Nay lại ở trên pháp của một sự phân rõ về mười cặp này, còn lại dựa theo có thể biết. Như trong văn sau: 1) Cánh hoa sen biểu thị khiến cho sinh hiểu là giáo, tức pháp đã giải thích là nghĩa, như sau nói: Bồ-tát Thắng Am ở nơi hoa sen. 2) Tướng của hoa là sự, Thể của hoa là lý, văn sau nói: Pháp giới không thể loại Liên Hoa thế giới hải. 3) Hoa là sở quán cũng tức là năng quán, bởi vì trong kinh này có thể dùng hạnh bên trong mà sự bên ngoài. 4) Hoa của hạnh và sự kết hợp cho nên thành phần vị. 5) Hoa của nhân và sự thu nhận cho nên thành tựu quả. 6) Đài hoa là sở y cho nên cũng đưa vào chánh, như quốc độ-thân... 7) Thể của hoa cùng là Chân cho nên Dụng ứng với cơ. 8) Thu nhận hoàn toàn là người cho nên luôn luôn là pháp. 9) Nghịch với năm Nhiệt, cho nên thuận với mười Độ. 10) Thuận theo hướng đến căn cơ cho nên cũng có thể cảm được. Như sự của một hoa đã vậy, tất cả sự còn lại đều dựa theo mà biết. Pháp của sự đã như vậy, tất cả các giáo nghĩa còn lại đều như vậy, dựa theo suy nghĩ có thể thấy. Như đầy đủ từ mười cặp đã như vậy, một cánh hoa kia đầy đủ mười môn trước cũng như vậy. Vì sao? Bởi vì cánh hoa sen này đầy đủ mười nghĩa trước, đồng thời tương ứng đầy đủ tròn vẹn, là môn thứ nhất.

Hai, ngay cánh hoa kia rộng khắp pháp giới mà không làm hỏng phần vị vốn có, bởi vì phân tức là không có gì phân, không có gì phân tức là phân, rộng hẹp tự tại không có gì chướng ngại. Văn sau nói: Hoa sen lớn này, cánh ấy che khắp tất cả pháp giới, cho nên hoặc chỉ là rộng rãi không ranh giới, hoặc phạm vi giới hạn rõ ràng, hoặc tức là rộng tức là hẹp, hoặc rộng-hẹp cùng mất đi. Hoặc đầy đủ bốn loại trước, bởi vì là cảnh của hiểu rõ. Hoặc bật dứt năm loại trước, bởi vì là cảnh của thực hành. Về sau đều dựa theo đây.

Ba, ngay cánh hoa này dẫn mình ra khắp hòa vào trong tất cả pháp giới, tức là thâm nhiếp tất cả làm cho hòa vào trong mình, dẫn ra-thâm nhiếp đồng thời đã không có chướng ngại, cho nên tan chảy hòa hợp. Hoặc có bốn câu-sáu câu, dựa theo trước để suy nghĩ. Văn sau nói: Dùng một cõi Phật đầy đủ mười phương, mười phương hòa vào một cũng không sót lại gì.

Bốn, một cánh hoa này bỏ mình giống như người toàn Thể đều là tất cả pháp kia, mà luôn luôn thâm nhiếp người giống như mình toàn bộ tất cả pháp kia tức là Thể của mình, một- nhiều tức là nhau tự nhiên không có chướng ngại, cảnh của hiểu rõ và thực hành (giải-hạnh) riêng biệt có sáu câu giống như trước. Văn sau nói: Biết một tức là nhiều, nhiều tức là một...

Năm, hoa có thể thâm nhiếp các pháp kia tức là một hiển bày nhiều ẩn kín, tất cả thâm nhiếp hoa tức là một ẩn kín nhiều hiển bày, hiển bày và ẩn bày không cùng lúc, ẩn kín và ẩn kín không đồng thời, ẩn kín hiển bày-ẩn bày ẩn kín đồng thời không ngăn ngại, hoàn toàn thâm nhiếp cùng phai mờ, còn mất cùng thành tựu, số câu giống như trước. Văn sau nói: Phương Đông thấy tiến vào Chánh thọ, phương Tây thấy từ Tam-muội đứng lên...

Sáu, trong cánh hoa này tất cả các pháp như cõi nước vi tế... rõ ràng đều hiện bày. Văn sau nói: Ở trong một mảy trần cõi nước vi tế trải rộng an trú.

Bảy, trong cánh hoa mỗi một vi trần đều cùng hiện rõ vô biên sát hải, trong sát hải lại có vi trần, trong các vi trần kia lại có sát hải, lớp lớp như vậy không thể cùng tận, không phải là tâm thức suy nghĩ đến được; như lưới giăng của trời Đế Thích, minh châu trong suốt hiện rõ hình ảnh lẫn nhau, hình ảnh lại hiện rõ hình ảnh mà không hề cùng tận. Văn sau nói: Như thế giới Nhân-đà-la vông...

Tám, thấy cánh hoa này tức là thấy pháp giới vô tận, không phải là nhờ vào đây mà có biểu thị riêng biệt. Văn sau nói: Những tán hoa này từ Vô sinh pháp nhẫn mà khởi lên...

Chín, ngay một hoa sen này đã có đủ tất cả Xứ, lại cũng đầy đủ tất cả Thời, nghĩa là ba đời đều có ba, thâm nhiếp làm một niệm cho nên làm thành mười đời. Bởi vì Thời không có Thể riêng biệt cho nên dựa vào hoa để thành lập, hoa đã không ngăn ngại thì Thời cũng như vậy. Vì thế văn sau nói: Tất cả thời kiếp quá khứ, đưa vào hiện tại-vị lai, tất cả thời kiếp vị lai, trở lại đưa vào đời quá khứ. Lại nói: Vô lượng kiếp tức là một niệm, một niệm tức là vô lượng kiếp...

Mười, lý của pháp Viên giáo này không khởi lên một mình, nhất định có quyến thuộc sinh khởi theo. Văn sau nói: Hoa này có trần số thế giới hải hoa sen để làm quyến thuộc. Lại như một phương là chủ, mười phương là bạn, phương khác cũng như vậy, cho nên chủ và chủ-bạn và bạn đều không thấy nhau, chủ và bạn-bạn và chủ tròn vẹn sáng ngời đầy đủ công đức. Như một sự của hoa có mười nghĩa của mình, đầy đủ

mười môn này tức là một trăm môn, những giáo nghĩa khác cũng đều dựa theo đó, cho nên trở thành ngàn môn. Như những giáo nghĩa hướng về mười nghĩa thuộc loại của mình, và mười môn như Đồng thời cụ tức tương ứng... có ngàn môn này, Đồng thời cụ tức tương ứng... kia cũng hướng về mười môn thuộc loại của mình và những giáo nghĩa... cũng trở thành ngàn môn, dựa theo suy nghĩ có thể thấy.

Hỏi: Có nhân duyên gì làm cho các pháp này có thể có tự nhiên dung hòa vô ngại như vậy?

Đáp: Nhân duyên vô lượng khó có thể trình bày đầy đủ, sơ lược đưa ra mười loại để giải thích về vô ngại này: 1) Bởi vì duyên khởi dựa vào nhau; 2) Bởi vì pháp tánh dung thông; 3) Bởi vì tất cả chỉ do tâm hiện bày; 4) Bởi vì như huyễn không thật; 5) Bởi vì lớn nhỏ không nhất định; 6) Bởi vì vô hạn nhân phát sinh; 7) Bởi vì quả đức vô cùng tròn vẹn; 8) Bởi vì thần thông thù thắng tự tại; 9) Bởi vì Đại Dụng của Tam-muội; 10) Bởi vì giải thoát khó nghĩ.

1. Bởi vì duyên khởi dựa vào nhau: Nghĩa là biến pháp duyên khởi trong Đại pháp giới, nghĩa môn vô lượng, dựa theo Viên tông sơ lược đưa ra mười môn để giải thích nghĩa trước. Nghĩa là các pháp duyên khởi cần phải có đủ mười nghĩa này mới thành duyên khởi, thiếu thì không thành duyên khởi:

Một, nghĩa về các duyên đều khác: Đó là trong Đại duyên khởi, các duyên hướng về nhau cần phải là Thể-Dụng khác nhau, không xen tạp với nhau mới thành duyên khởi. Nếu không như vậy thì các duyên tạp loạn, mất đi pháp duyên vốn có, duyên khởi không thành. Đây tức là tất cả các duyên đều giữ lấy một mình.

Hai, nghĩa về cùng giúp đỡ lẫn nhau: Đó là các duyên này cần phải thích ứng lẫn nhau mới thành duyên khởi. Lại như một duyên thích ứng với nhiều duyên, đều cùng với nhiều duyên kia hoàn toàn làm một, một này tức là đầy đủ nhiều cái một. Nếu một duyên này không đầy đủ nhiều một, thì giúp đỡ thích ứng không rộng khắp, không thành duyên khởi. Đây tức là mỗi một đều có đủ tất cả các một.

Ba, nghĩa về cùng tồn tại vô ngại: Đó là tất cả một duyên cần phải có đủ hai loại trước mới thành duyên khởi, bởi vì cần phải trú vào một mình mới có thể thích ứng rộng khắp, thích ứng rộng khắp nhiều duyên mới là một, vì vậy chỉ một-nhiều một tự tại vô ngại. Theo sự dung hòa trọn vẹn này có sáu câu phân biệt: Hoặc đưa ra Thể đầy đủ trú là chỉ một, hoặc đưa ra Thể thích ứng rộng khắp là nhiều một, hoặc cùng tồn tại, hoặc cùng phai mờ, hoặc toàn bộ hợp lại, hoặc hoàn toàn lia xa, đều



suy nghĩ có thể thấy.

Ba môn trên đây tổng quát trình bày pháp vốn có duyên khởi.

Bốn, nghĩa về khác môn hòa vào nhau: Đó là lực dụng của các duyên dựa vào giữ gìn lẫn nhau, so sánh làm mất lẫn nhau, đều có nghĩa toàn lực-không có toàn lực thì duyên khởi mới thành. Như luận nói: Nhân không sinh mà duyên sinh, duyên không sinh mà tự nhân sinh. Nếu tất cả chỉ có lực mà không có loại nào không có lực thì có lỗi về nhiều quả, bởi vì mỗi một loại đều sinh. Nếu tất cả chỉ là không có lực mà không có loại nào có lực thì có lỗi về không có quả, bởi vì giống nhau chứ không phải là duyên cùng không sinh. Vì vậy duyên khởi cần phải dựa vào nhau có đủ lực-không có lực, nếu như thiếu một duyên thì tất cả không thành, còn lại cũng như vậy. Do đó một duyên có thể giữ lấy nhiều duyên, một duyên là có lực có thể thâm nhiếp nhiều duyên; nhiều duyên dựa vào một duyên, nhiều duyên là không có lực mà ngầm hòa vào một duyên. Bởi vì một duyên có lực nhất định không thể nào đi cùng với nhiều duyên có lực, cho nên không có một duyên mà không thâm nhiếp nhiều duyên. Bởi vì nhiều duyên không có lực nhất định không thể nào đi cùng với một duyên không có lực, cho nên không có nhiều duyên mà không hòa vào một duyên. Như một duyên giữ lấy-nhiều duyên dựa vào đã như vậy, nhiều duyên giữ lấy-một duyên dựa vào cũng như vậy. Suy nghĩ ngược lại với trên, thì tức là cũng không có nhiều duyên mà không thâm nhiếp một duyên, không có một duyên mà không hòa vào nhiều duyên. Như một duyên hưởng về nhiều duyên, có dựa vào-có giữ lấy, toàn lực-không toàn lực, thường đầy đủ nhiều ở trong mình, ẩn mình ở trong nhiều, cùng lúc vô ngại. Nhiều duyên hưởng về một duyên, nên biết cũng như vậy. Hai câu vô ngại về cùng tồn tại-cùng phai mờ, suy nghĩ dựa theo đó.

Năm, nghĩa về khác Thể tức là nhau: Đó là các duyên hưởng về nhau, toàn Thể so sánh-làm mất đi, có nghĩa về có Thể-không có Thể, thì duyên khởi mới thành. Bởi vì nếu thiếu một duyên, thì duyên còn lại không thành khởi, khởi không thành cho nên nghĩa của duyên đã làm hỏng. Có thể một duyên này khiến cho tất cả thành khởi, đã thành tựu về khởi cho nên nghĩa của duyên mới thành lập. Vì vậy một duyên là chủ động khởi, nhiều duyên và quả đều là thụ động khởi, thì tức là nhiều duyên làm một thành tựu, nhiều duyên là không có Thể; một duyên chủ động làm ra nhiều duyên, một duyên là có Thể. Bởi vì một duyên có Thể nhất định không thể nào đi cùng với nhiều duyên có Thể, nhiều duyên không có Thể nhất định không thể nào đi cùng với một

duyên không có Thể. Vì vậy không có một duyên nào mà không nhiều duyên, không có nhiều duyên nào mà không một duyên, một duyên-nhiều duyên đã như vậy, nhiều duyên-một duyên cũng như vậy. Suy nghĩ ngược lại với trên, như một duyên hưởng về nhiều duyên, bởi vì có duyên có Thể-không có Thể, cho nên có thể thâm nhiếp duyên khác cùng với mình, bỏ mình cùng với duyên khác, cùng lúc vô ngại; nhiều duyên hưởng về một duyên nên biết cũng như vậy, dựa theo trước để suy nghĩ. Hai câu vô ngại về cùng tồn tại-cùng phai mờ, cũng suy nghĩ có thể thấy.

Sáu, nghĩa về Thể-Dụng cùng dung hòa: Đó là các pháp duyên khởi cần phải có lực dụng giao thiệp, toàn Thể dung hợp mới thành duyên khởi, vì vậy viên thông cũng có sáu câu phân biệt: 1) Bởi vì Thể đều là Dụng cho nên nêu ra Thể toàn là Dụng, tức là chỉ có nghĩa hòa vào nhau chứ không có nghĩa tức là nhau. 2) Bởi vì Dụng đều là Thể, cho nên chỉ có tức là nhau chứ không có hòa vào nhau. 3) Quy về Dụng của Thể không ngăn ngại Dụng, Thể của toàn Dụng mà không mất Thể, đây tức là vô ngại cùng tồn tại, cũng hòa vào-cũng tức là tự tại cùng hiện rõ. 4) Thể của toàn Dụng thì Thể phai mờ, Dụng của toàn Thể thì Dụng mất đi, không phải tức là-không phải hòa vào viên dung một vị. 5) Hợp bốn câu trước cùng một duyên khởi vô ngại cùng tồn tại. 6) Mất đi năm sáu trước, tuyệt đối đăi-lia nói năng sâu xa giống như tánh hải.

Ba môn trên đây hiển bày về nghĩa lý đối với môn khác Thể.

Bảy, nghĩa về cùng Thể hòa vào nhau: Đó là một duyên trước đã đầy đủ nhiều-một, cùng với Thể của một duyên kia không có gì khác, cho nên gọi là cùng Thể. Lại bởi vì một duyên này thích ứng với nhiều duyên cho nên có nhiều-một này, thích ứng với nhiều duyên đã tức là nhau-hòa vào nhau, khiến cho nhiều duyên-một duyên này cũng có tức là nhau-hòa vào nhau. Trước trình bày về hòa vào nhau, nghĩa là một duyên có lực có thể giữ lấy nhiều duyên-một duyên, nhiều duyên-một duyên không có lực dựa vào một duyên kia, vì vậy một duyên có thể thâm nhiếp nhiều duyên, nhiều duyên đã hòa vào một duyên. Một duyên hòa vào-nhiều duyên thâm nhiếp, ngược lại với trên nên biết. Nghĩa còn lại, câu còn lại dựa theo trước để suy nghĩ.

Tám, nghĩa về cùng Thể tức là nhau: Đó là một duyên trước đã có đủ nhiều duyên-một duyên, cũng có nghĩa có Thể-không có Thể, cho nên cũng tức là nhau. Bởi vì nhiều duyên-một duyên không có Thể, do một duyên ban đầu mà thành nhiều duyên tức là một duyên. Do một

duyên ban đầu có Thể có năng lực làm ra nhiều duyên khiến cho một duyên thâm nhiếp nhiều duyên. Như một duyên có-nhiều duyên không có đã như vậy, nhiều duyên có-một duyên không có cũng như vậy. Nghĩa còn lại, câu còn lại đều dựa theo trước để suy nghĩ.

Chín, nghĩa về cùng dung hòa vô ngại: Đó là cũng cùng Thể-Dụng cùng dung hòa trước đây, tức là-hòa vào tự tại cũng có sáu câu, dựa theo trước nên biết.

Ba môn trên đây phân rõ về nghĩa lý ở trong môn cùng Thể thứ hai trước đây.

Mười, nghĩa về giống-khác đầy đủ trọn vẹn: Đó là dùng chín môn trước đây tổng hợp làm thành một Đại duyên khởi, khiến cho nhiều loại nghĩa môn cùng lúc đầy đủ. Bởi vì trú vào một duyên thích ứng rộng khắp, cho nên có rộng hẹp tự tại. Bởi vì dựa vào Thể-dựa vào Dụng, cho nên có tức là nhau-hòa vào nhau. Bởi vì một duyên thâm nhiếp nhiều duyên luôn luôn làm hiển bày, khiến cho một duyên hòa vào nhiều duyên làm ẩn kín; nhiều duyên thâm nhiếp một duyên cũng như vậy. Lại dựa vào Dụng hòa vào nhau làm hiển bày, khiến cho dựa vào Thể tức là nhau làm ẩn kín, hiển bày hòa vào ẩn kín cũng như vậy. Lại khác môn tức là-hòa vào làm hiển bày, khiến cho cùng Thể làm ẩn kín, giống hiển bày-khác ẩn kín cũng như vậy. Lại bởi vì dùng nghĩa hòa vào nhau trong khác môn thâm nhiếp cùng Thể, cho nên hiện có môn Vi tế. Bởi vì khác Thể hòa vào nhau kèm theo cùng Thể hòa vào nhau, cho nên có môn Trùng trùng vô tận để vô窮. Bởi vì pháp Đại duyên khởi này tức là pháp môn Vô ngại pháp giới, cho nên có môn Thác sự hiển pháp. Vì vậy mà dung thông tự tại. Nay theo trên pháp này đã phân rõ về thời pháp, cũng tùy theo vô ngại tự tại này cho nên có môn Thập thể. Bởi vì pháp môn này cùng một duyên khởi kèm theo nhau khởi lên, tùy theo một môn nhất định phải có đủ tất cả các môn, cho nên có môn Chủ-bạn. Một môn này ở trong môn thứ ba trước đây để phân rõ nghĩa lý. Mười nghĩa trên đây toàn bộ là môn duyên khởi thuận theo nhau. Những môn khác nói như trong Chỉ Quy.

